

CỎ THƠM

THÁNG 3, NĂM 2013

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>
NGÔ TĂNG GIAO
<giaongo@msn.com>
PHẠM VĂN TUẤN
<tuanpham1387@hotmail.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
FAX: (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.
HẢI BẰNG H.D.B. ĐỖ BÌNH.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐÌNH CƯỜNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
VŨ HỐI. NGUYỄN QUỐC KHÁI.
PHAN KHÂM. HUY LÂM. NGUYỄN LÂN.
PHẠM TRỌNG LỆ. VŨ NAM.
ĐẶNG NGUYÊN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ. KIM VŨ.
TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.
HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯỜNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
VŨƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦY: Charlotte, NC.
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM & NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An, B. Phạm Tường An, B. An Hicky, Ô.B. Cung Thăng An,
B. Văn T. Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh, Ô. Võ Hùng Anh, Ô. Trần Hữu Bảo,
Ô. Việt Bằng (CA), Ô.B. Phạm Bính, Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô. Đỗ Bình, Ô. Vũ Đức Bình,
Ô. Phan Thanh Bình, Ô.B. Nguyễn Bông, b. Đặng Thị Bội, Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh,
B. Huỳnh Thị Chẳng, B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu,
Ô. Trần Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô. Lê Văn Chính, Ô.B. Ngô Chương,
B. Nguyễn Hồng Cung, Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, Ô. Trương Duy Cường. B. Vũ Diễm,
B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung, B. Nguyễn P.T.NgocDung, Ô. B. Phan Anh Dũng,
B. Dzung Senser, Ô.B. Don Van Dang, B. Bùi Thị Đào, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Hải Đăng,
B. Mẫu Đơn Nguyễn, Ô. Trần Đại Độ, Ô. Duy An Đông, Ô. Trần Thiên Đức, Ô.B. Hoàng Cung Fa,
Ô. Ngô Tăng Giao, B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Võ T. Trúc Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao,
Ô. Lý Văn Hải, B. Lê Thúy Hà. B. Nguyễn T. Song Hà, Ô.B. Nguyễn Đăng Hải,
B. Đỗ Trang Mỹ Hạnh, B. Quán T. Hạnh, Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền,
B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiếu, B. Nguyễn Hoa, B. Tôn Nữ Khánh Hội, B. Tô Diễm Hồng,
Ô.B. Hoàng Thế Huân, Ô. Trần Khắc Hiếu, B. Huệ Phạm, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng,
Ô.B. Phan Tâm Hùng, Ô. Trương Hùng, B. Thùy Hương N.T.T, Ô. Lê Ngọc Kha, Ô. B. Phan Khâm,
Ô. Nguyễn Quốc Khoa, B. Vi Khuê, Ô. Trần Hiệu Lai, B. Võ Lại, BS. Từ Châu Lan, BS. Từ Pháy,
Ô.B. Nguyễn Lân, B. Nguyễn Đàm Chi Lan, B. Nghiêm Phương Lan, Ô.B. Nguyễn Khoa Lân,
Ô.B. Đạt Thu Lê, B. Đỗ Thị Hương Liên, Ô. Nguyễn Ngọc Liệu, Ô.B. Nguyễn Huy Linh,
B. Vũ Thị Linh, B. Phi Vân Loan, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô.B. Nguyễn Phú Long,
Ô.B. Dương Kim Long, B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA), B. Minh Doran, Ô. Vũ Nam,
Ô. Nguyễn Văn Nghi, Ô.B. Vũ Đức Nghiêm, Ô. Đoàn Xuân Ngọc, Ô. Đăng Nguyên,
B. Uyên Phương Minh Nguyệt, B. Phan T. Nhân, B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm,
Ô. Nguyễn Quý Nhơn, Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi,
Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc, Ô. Lê Quang Phùng,
B. Kim Phụng, B. Hoàng Hữu Phước, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phước, Ô. Đèo Văn
Sách, Ô. Trần Bích San, Ô. Trần Phi Sao, Ô. Nguyễn Sơn, Ô. Trần Đức Sương, Ô. Hồ Công Tâm,
Ô. Lê Văn Tấn, B. Nguyễn T. Minh Tâm, B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân,
Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, Ô. Lê Tam Thanh, Ô. Nguyễn Thanh, Ô.B. Vũ An Thanh,
B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành, B. Nguyễn Phương Thảo. Ô. Nguyễn Thành Thế,
B. Phong Thu, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu,
B. Nguyễn Tiểu Thu, B. Nguyễn Thị Thuận, B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy,
Ô. B. Lê Ngọc Thụy, B. Thương Hoff, Ô. Nguyễn Hữu Thử, Ô. Nguyễn Minh Tiên,
Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Phạm Văn Tiến, B. Tiffany Trang Đỗ, Ô. Nguyễn Văn Toại,
Ô. Nguyễn B. Toàn, Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm, Ô. Nguyễn Đình Trân, Ô. B. Võ Trưng,
Ô. Đàm Xuân Tú, B. Đặng Ngọc Tú, BS Phan Khắc Tường, Ô. Hoàng Lý Văn,
B. Khánh Vân Michalek, B. Nguyễn Tường Vân (CA), Ô. Yên Vi, B. Hoàng Hồng Yến,
Eastern Loudoun Library, Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates,
B.S. Nguyễn T. Kim Dung, BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty,
Inc, Harvest Moon Restaurant.

MỤC LỤC

NGUYỄN QUỐC KHÁI: NS Dương Cẩm 189
Nguyễn Thúy Quỳnh

THƠ

	<u>TRANG</u>
<u>BIÊN KHẢO</u>	
PHẠM THẢO NGUYỄN: Tim Gốc Gác Lý Toét Xã Xệ	9
PHẠM THỊ NHUNG: Khóc Tố Như	20
NGUYỄN QUÝ ĐÀI: Rắn Trong Đời Sống...	27
PHẠM VĂN TUẤN: Cao Hành Kiện	39
NGUYỄN VĂN NHIỆM: Tính Minh Triết	46
PHẠM TRỌNG LÊ: Vài Cảm Nghĩ Về Thơ	55
LÊ THƯỜNG: Dòng Lệ Sử...	62
HẢI BĂNG HDB & Bạch Cúc: Tết Quý Tị	66
NGUYỄN THÙY: Đoạn Trường Tân Thanh	179
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH: Sài Gòn Cảnh Cũ Đường Xưa	193
<u>VĂN</u>	
TRƯỜNG THY: Tiếng “Em“ Trong Đời	76
DIỆM CHÂU: Tình Người	80
VĂN QUANG: Về Quê Lần Cuối	88
TÂM NGỌC: Sống Chết Cho Tình Yêu	94
NGUYỄN LÂN: Trời Ở	101
THANH TRANG: Nhà Thơ Kim Tuấn...	106
PHẠM HỮU: Chị Khanh Ve	110
TIỂU THU: Buông Rơi Lá Sầu	117
TRẦN TAM NGUYỄN: Tình Yêu và...	122
CUNG THỊ LAN: Tâm Sự Của Một...	128
TRẦN CHÍ PHÚC: Cảm Ôn Tấm Lòng...	135
PHƯƠNG DUY TDC: Khu Vườn Hoa Tím	136
MÂY THU: Mùa Xuân Paris	141
VŨ ĐỨC NGHIÊM: Quê Ngoại	149
Ỡ NGUYỄN: Chuyện Đói Năm Ất Dậu	154
ĐỖ BÌNH: Khoảng Cách	159
DIỆM TRẦN: Nhỏ Con Rông	168
TÂM MINH: Trong Đêm Khuya	171
PHONG THU: Khi Anh Trở Thành...	173
PHẠM HỮU BÌNH: Cô Hàng Cháo Gà	184
PHAN KHÂM: Nhớ Xuân Nào	19
NGUYỄN PHÚ LONG: Uống Rượu ...	30
WILLIAM WORDSWORTH: Lucy Gray	37
NGÔ TĂNG GIAO: Em Bé Lucy Gray	37
SYDNEY CHEN: Ocean Moments	45
TÂM MINH: Khoảnh Khắc Biển Khơi	45
BÙI THANH TIÊN: Nụ Xuân Chưa Nở	54
PHAN KHÂM: Ước Mơ	61
PHẠM TRỌNG LÊ: The Dream	61
CAO NGUYỄN: Dòng Sông Lưu Vong	66
KIM VŨ: Mùa Xuân Đến Spring Has Come	74
PHƯƠNG DU NBH: Cảm Nghĩ Xuân...	82
THANH THANH: Lệ Châu	87
TỔ NGUYỄN: Đầu Năm Dương Lịch...	97
HỒ CÔNG TÂM: Đôi Bờ Thương Nhớ	97
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Đà Lạt...	102
ĐẶNG NGUYỄN: Hai Trời Khác	103
TRÙNG QUANG: Đón Xuân Vui Bút	116
NGUYỄN T. N. DUNG: Khai Xuân...	116
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT Tình Xuân	118
NGUYỄN VÔ CÙNG: Tình Xuân	120
NGUYỄN KINH BẮC: Xuân Đất Khách	125
PHAN KHÂM: Xuân Tự Thán	125
THIÊN ĐỨC: Huế Thương	129
LÊ MAI LĨNH: Sương Biên Thù	147
ĐỖ THỊ MINH GIANG: Lặng Thầm	156
NGUYỄN BẠCH: Tri Âm	177
<u>NHẠC</u>	
THANH TRANG & KIM TUẤN: Xuân Tận Miền Xa	105
TRẦN CHÍ PHÚC: Cảm Ôn Tấm Lòng...	134
HUY LÂM: Một Phút Em Buồn	152
NGUYỄN ÁNH CHÍN & HỒNG THỦY Xuân Viễn Xứ	166

TẠ BÌNH & UYÊN PHƯƠNG MINH	202	HA NGUYỄN & ASSOCIATES	2
NGUYẾT: Riêng Anh Một Nơi Nơi Đây		WASHINGTON MUSIC	73
<u>TRANH ANH</u>		SOVEREIGN REALTY, INC.,	146
HUY LINH: Anh Cho Em Mùa Xuân	001	Chân Dung & Giá Trị Truyện Kiều	192
MINH CHÂU: Nụ Hoa Vàng Mới Nở	19	Giọt Đồi – Xuân Bích	192
NGUYỄN HUY LINH: Yêu Em Nồng Nàn	75	Thiệp Mời Ngày Cỏ Thơm 5/5/2013	206
TỬ CHÂU LAN: Che Chở	109	Ca Dao Con Đường Văn Hoá Việt	207
LÊ VĂN LAI: Thiếu Nữ	113	Phòng Mạch Bs Nguyễn Kim Dung	208
TÚ NHẬT: Hái Lộc	181	Phòng Mạch Bs Nguyễn Quốc Quân	208
Hình Ảnh Buổi Phát Hành Cỏ Thơm	204	HARVEST MOON RESTAURANT	209
NGUYỄN QUỐC KHẢI: Hoa Mộc Lan	212	Phiếu Mua báo & Quảng cáo	210
NGUYỄN THỊ SONG HÀ: Hoa Đào	212	Văn Phòng Luật Sư:	211
<u>GIỚI THIỆU</u>		IVAN M. WALDMAN & ASSOCIATES	
Danh Sách Mạnh Thường Quân	4		

CỎ THƠM MÙA XUÂN 18

Thưa quý vị,

Vùng Tòa Soạn Cỏ Thơm đang trong mùa Xuân, mùa hoa anh đào tuyệt vời. Thời tiết ấm áp. Nắng hồng, trời xanh, mây trắng, màu sắc thời trang nhẹ nhàng tươi sáng hơn. Trăm hoa đua nở như tuổi thơ, tuổi xuân mơn mớn đầy sức sống của thế hệ trẻ. Thế hệ cao niên nhìn con cháu cũng vui lây.

Cũng xin thưa để quý vị mừng cho, mùa xuân 2013 này, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm đã bước sang năm thứ 18 trên bước đường dài sinh hoạt văn học, nghệ thuật mênh mông, quyến rũ. Chúng tôi sẽ có một buổi dạ tiệc, dạ vũ để kỷ niệm Cỏ Thơm đã đến tuổi đôi chín và chín mùi hương ngát. Kính mời quý vị gần xa về tham dự buổi hội ngộ Cỏ Thơm này tại Nhà Hàng Harvest Moon 6 giờ chiều ngày 5 tháng 5, 2013. Xin

quý vị xem thêm chi tiết trang 206. Sự hiện diện của quý vị là niềm khuyến khích lớn lao cho Cơ Sở Cỏ Thơm. Chúng tôi được dịp gặp gỡ, ghi ân quý vị đã ủng hộ Tạp chí Cỏ Thơm từ nhiều năm qua.

Ban Điều Hành và Ban Biên Tập cũng thường xuyên hẹn hò gặp gỡ các độc giả, thân hữu địa phương khi có báo mới phát hành tại Tòa soạn hay tư gia hội viên hoặc tại trụ sở Hội Cao Niên. Chúng tôi cũng có ẩm thực giản dị, văn nghệ đơn sơ, thông tin văn học vui vẻ, chụp hình, chụp ảnh xí xọn với nhau. Khi ca sĩ tài tử hát bài nào có thể nhảy nhót được, chúng tôi lôi nhau ra sàn nhà nhện nhện. Ngoài ra chúng tôi cũng thường rủ nhau đi ủng hộ những sinh hoạt thân hữu khác trong cộng đồng, đi ăn phở uống cà phê chia sẻ chuyện tâm tình, thời

sự. Đời phải có những lúc vui chơi lành mạnh bù lại những suy tư trần thế.

Internet, email đã giúp chúng tôi liên lạc thường xuyên với các độc giả và tác giả hội viên ở khắp các tiểu bang khác trên đất Mỹ và ở các nước ngoài như Gia Nã Đại, Pháp, Thụy Sĩ, Đức, Việt Nam... Cỏ Thơm càng ngày càng thêm tác giả cộng tác và độc giả mua báo. Gần đây, chúng tôi có độc giả mới là Ông Nguyễn Quý Nhơn ở Martinique, một hòn đảo thuộc chủ quyền Pháp Quốc, gần Porto Rico và Miami. Ông đã mua 2 năm báo cũ, 2011 và 2012. Xin cảm ơn Ông Nguyễn Quý Nhơn và chúc ông thích thú đọc Báo Cỏ Thơm.

Quý tác giả vẫn chiếu cố Cỏ Thơm đồng đảo và bài vở phong phú như thường lệ, nhưng vì số trang có hạn nên vẫn có bài phải dùng chữ nhỏ, ngoài ý muốn của chúng tôi. Xin quý vị nhớ vặn đèn sáng 150W và đeo kính nếu cần để thưởng lãm vườn Cỏ Thơm cho trọn vẹn.

Bìa trước của Báo Cỏ Thơm số 62 này là tác phẩm: “Anh Cho Em Mùa Xuân” với đôi uyên ương chim xanh xinh đẹp của Nguyễn Huy Linh. Bức ảnh là cả một trời xuân tươi sáng, đầy yêu thương. Bìa sau là vườn hoa xuân rực rỡ của Nguyễn Quốc Khải và Nguyễn Thị Song Hà. Cỏ Thơm xin cảm ơn quý nhiếp ảnh gia.

Vì là số báo đầu năm 2013, Cỏ Thơm có bài viết “Lý Toét Xả Xệ” trang 9, của tác giả Phạm Thảo Nguyên để quý vị có ngay những nụ cười xuân lý thú, với những hình vẽ xưa cũ quý giá và ngộ nghĩnh.

Vì năm nay là năm Quý Tị nên Cỏ Thơm có bài viết về rắn của Tác giả Nguyễn Quý Đại, “Rắn Trong Đời Sống và Khoa

Học”, trang 27; Tác giả Hải Bằng HDB & Bạch Cúc với bài “Tết Quý Tị, 2013”, trang 66. Qua hai bài biên khảo trên, độc giả sẽ tin tưởng năm Quý Tị là năm tốt, và rắn không hoàn toàn độc hại mà còn lợi ích cho nhân loại. Nhưng nếu không phải tay nghề nuôi rắn, chớ nên đùa với rắn.

Chúng tôi cũng mong rằng quý độc giả sẽ tìm thấy mùa xuân của mình trong vườn văn thơ nhạc của nhiều tác giả kỳ cựu khác của Cỏ Thơm.

Ngoài ra, chúng tôi hân hạnh được sự cộng tác mới của Nhạc sĩ Trần Chí Phúc với bản nhạc “Cảm Ơn Tấm Lòng Thế Giới”, trang 134 mà giai thoại về bản nhạc gây nhiều cảm xúc.

Cỏ Thơm không chỉ giới thiệu những tác giả kỳ cựu, trong số báo này chúng tôi đặc biệt chào mừng một nhà thơ tí hon, Sydney Chen, với bài thơ “Ocean Moments”, trang 45 và bản dịch “Khoảnh Khắc Biển Khơi” của Thi sĩ Tâm Minh. Sydney mới 10 tuổi, là cháu ngoại của Thi Sĩ Nguyễn Phú Long. Thơ của Sydney được chọn cho 10 bài đứng hạng đầu trong một cuộc thi thơ trẻ em của USA và Canada.

Chúng ta chào đón mùa xuân, vui xuân nhưng cũng không quên tưởng nhớ tới những nhân vật trong giới văn hóa Việt Nam vừa từ già cõi trần trong số đó có Nhạc sĩ Phạm Duy, Biên khảo gia Bác sĩ Lê Văn Lân.

Bác Sĩ Lê Văn Lân đã yên nghỉ trong Nước Chúa ngày 19 tháng 1, năm 2013, hưởng thọ 83 tuổi. Ông đã chủ trương Nhóm Duyên Văn tại Philadelphia trong nhiều năm, đã từng cộng tác thân thiết với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Trong tủ sách của

chúng tôi có hai tác phẩm biên khảo giá trị của Bác Sĩ Lê Văn Lân: “Chiếc Bảo Ấn Cuối Cùng Của Hoàng Đế Việt Nam”, và “Phù Thuật Việt Nam”. Toàn Ban Điều hành và Biên tập Cổ Thơm Xin thành thật phân ưu cùng Bà Lê Văn Lân và tang quyến.

Nói tới sự chết chóc, chúng ta chưa thể quên được vụ thảm sát ngày 14 tháng 12, 2012 tại Trường Tiểu Học Sandy Hook, New Town, Connecticut, đã làm 20 trẻ em và 7 người lớn thiệt mạng thảm khốc. Kẻ giết người là một thanh niên 20 tuổi đã bắn chết bà mẹ trước khi đến trường kia giết người và sau đó tự tay kết thúc đời hấn bằng chính nòng súng của mình. Cả thế giới xôn xao, đau lòng, phẫn nộ. Tại sao bà mẹ có cả một tử súng loại nặng, nhẹ và cho đứa con trai có bệnh tâm thần tập bắn và xử dụng súng? Chúng ta chờ xem Quốc Hội Mỹ có thay đổi đạo luật mua bán súng và chủ quyền cầm súng bừa bãi của người dân không?

Bây giờ, chúng tôi xin trở lại chuyện viết lách, báo bố. Thưa quý vị, vì chúng tôi may mắn được đọc và trình bày Tạp Chí Cổ Thơm nên muốn có vài ý kiến về chữ nghĩa Việt ngày nay. Từ thời Tự Lực Văn Đoàn, những vị tiền bối của chúng ta đã có công cải cách ngôn ngữ Việt Nam giản dị, trong sáng và dễ hiểu. Nhưng có vài cây viết thời đại bỗng dưng muốn làm cách mạng, cắt ngắn câu cụt ngủn, rời rạc như cành cây vụn, bất thành mệnh đề. Có tác giả lại thích viết rườm rà, một nửa trang giấy không ngắt câu. Người đọc không kịp thở, không hiểu chủ từ là người hay vật nào, không hiểu động từ, tính từ thuộc về nhân, vật nào?

Lại có cây viết thêm dấu gạch, dấu nối vào tên người hay 5, 7 chấm tùm lum sau một câu. Chẳng hạn có cụ ký tên như vậy: Nguyễn-Thị-Ngọc-Nga, có ba gạch nối với nhau như sợ các chữ tên mình thất lạc mất hay nhảy sang tên người khác. Khi còn đi học, chúng tôi được dạy chỉ viết dấu gạch giữa danh tự, tính tự, động tự kép, nghĩa là cho gạch nối giữa chữ “Ngọc” và chữ “Nga” là nhiều.

Cuối câu và thay vì viết (v.v...), có vị cho 5 hay 7 chấm tùy hứng. Nếu giữ cách viết gạch nối và chấm câu như trên thì lá thư này sẽ dài gấp đôi. Ra ngoại quốc, chúng tôi học được cách viết tên giản dị là không có gạch nối nào giữa tên cả. Đôi khi tên đệm lại còn được viết tắt hay giấu bớt đi cho gọn nữa.

Thật ra, chúng tôi chỉ nói chuyện viết lách cho vui thôi. Chúng ta chưa có Hàn Lâm Viện chữ nghĩa, thì ai viết thế nào mặc ai, miễn là đừng làm độc giả rối mắt, phải không quý vị?

Trước khi kết thúc lá thư tâm tình mùa xuân, chúng tôi xin báo tin mừng, tác phẩm biên khảo “Ca Dao Con Đường Văn Hóa Việt” của Nhà văn Nguyễn Văn Nhiệm đã được phát hành. Xin quý vị đọc thêm chi tiết trang 207. Xin chúc mừng tác giả và mong quý vị chiếu cố đồng đảo một quyển sách giá trị, biên soạn công phu.

Giấy ngắn nhưng tình dài, xin gặp lại quý vị sinh nhật Cổ Thơm 18 tuổi, chiều 5 tháng 5/2013. Chúng tôi xin thay mặt Cơ Sở Cổ Thơm cảm tạ sự cộng tác và ủng hộ lâu dài của quý vị và chúc quý vị một mùa Xuân tươi đẹp, tràn đầy hạnh phúc.

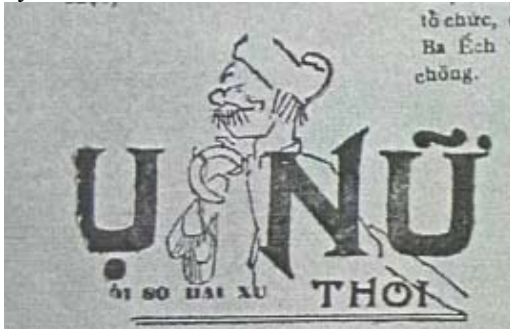
Nguyễn Thị Ngọc Dung

Tìm Gốc Gác Lý Toét, Xã Xệ

PHẠM THẢO NGUYÊN

Họa sĩ Đông Sơn vẽ ra Tý Toét vào đầu thập niên 1930, và tờ báo đầu tiên đăng tranh Lý Toét, là Phong Hóa. Đó là hai điểm chính, về cụ Lý được dân chúng yêu chuộng đặc biệt từ gần tám chục năm nay. Tìm đọc lại báo Ngày Nay Xuân 1940, cũ, mới biết Nhất Linh có giải thích rõ ràng chi tiết về lý lịch của cụ, trong bài viết “Lịch sử Lý Toét...”, Báo Xuân Ngày Nay 1940, tóm tắt như sau:

Tên Lý Toét ra đời trước, rồi hình người Lý Toét mới ra đời sau.



Năm 1930, trong báo Tứ Dân, người đề ra “tên-Lý Toét” lại là Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu (chuyên viên thơ trào phúng của Tự Lực Văn Đoàn), từ “đề ra” sáng tác bởi Nhất Linh. Họa sĩ Đông Sơn và bà Phụ Nữ Thời Đàm đề ra “hình-Lý Toét” sau. Sự tích là: Đông Sơn một hôm đang xem báo Phụ Nữ, vẽ nghịch một người nhà quê, thấy hay hay nên xé ra vút vào ô kéo, chưa biết để làm gì. “Quý vị ơi! Nhìn hình dưới đây đi! Nó đây, chính nó đây, mảnh giấy nhật trình có chân dung “thùy tử” của tất cả các Lý Toét sau này đây!”:

Đúng là không có bà Phụ Nữ Thời Đàm thì không có Lý Toét, Nhất Linh nói chí lý thật! Trên bức hình đó Lý Toét trẻ hơn sau này nhiều, đã được mặc áo dài khăn đóng, như mọi cụ già thời đó. Lại có đủ cả râu ria, búi tóc, cụ xách thêm đôi dép da gia đình và cặp cái ô đen: Cá tính được định hình. Cụ thường xách dép lên, đi đất, vì ngại chóng hỏng đôi dép cũ. Cái ô cũng ít khi mở ra, cụ để dành đánh chó và đeo lên vai cho oai. Nhưng chúng cũng làm khổ cụ, vì cứ bị tội trộm nhỏ nhít đặt vào tầm ngắm, quấy phá luôn luôn. Nào dép, nào ô, nào khăn cứ bị trộm rình!

Chắc các bạn còn nhớ: Bắt đầu từ Phong Hóa số 14, ra ngày 2 tháng 9-1932 chủ bút mới là Nguyễn Tường Tam. Cùng các em là Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long và các bạn như Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, Khải Hưng Trần Khánh Giu ...mới phụ trách tờ Phong Hóa. Ngay trong số 14 này, ta bắt gặp Đông Sơn đưa hình cụ (chưa có tên) về Hà Nội trên một chuyến xe đò đông như nê m cối (hình dưới).



Các bạn có nhìn thấy cụ ngồi trên mũi xe ngay trên đầu tài xế đó không? Họa sĩ Đông Sơn thật hóm, dấu kỹ chẳng cho ai biết tin gì cả! Nhưng lòi đuôi! Tuy nhiên, rất có thể chính ông cũng không biết là mình đã cho cụ về thành hôm đó, trên chiếc xe đồ đó! (Mà này, nhờ ông vẽ mà không biết là có cụ trốn trên mũi đó thì oan cho ông nhi!?)

Nhất Linh còn kể là Lý Toét ra mắt độc giả ngay từ số Phong Hóa 14, nhưng còn ngỡ ngàng vì chưa có tên. Sau đó Đông Sơn dính thêm cái tên Lý Toét vào hình vẽ, thế là Phong Hóa có trong tay một nhân vật hý họa hoàn chỉnh. Lý Toét nom thật có duyên:



Nguyễn văn Lý Toét là người Việt Nam

Lần đầu tiên Tứ Ly đem Lý Toét-tên (không có hình), lên báo Phong Hóa trong số 35, trong bài viết “Cuộc Chợ Phiên của Phong Hóa tổ chức”. Lúc đó, Lý Toét-hình, không tên, chỉ dùng để trang trí cho mục Vui Cười mà thôi:



Tới số 48, năm 1933, Phong Hóa có tranh “Lý Toét ra tỉnh” thứ nhất. Đó là lần đầu cụ Lý có đủ tên+hình, cùng cái dáng lom khom hay đặt câu hỏi lạ lùng:

Thế rồi tới Phong Hóa số 59, bức vẽ “Lý



Toét ra tỉnh” thứ hai, do Đông Sơn vẽ dưới đây, (ký tên chữ nhỏ) chiếm ngay trang bìa:



(Lý Toét làm bầm: Quái! người ta chôn ai mà đào dài vậy??)

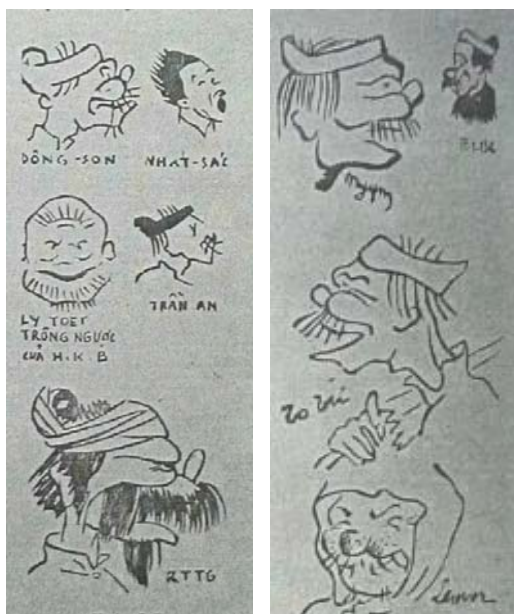
Đông Sơn Nhất Linh biết rằng nhân vật này sẽ chinh phục độc giả toàn quốc! Quả như vậy, Lý Toét đã làm mưa làm gió trên văn đàn nước ta trong suốt thập niên 1930. Trước hết, về cá nhân Lý Toét, tính chất tổng quát được mọi người cùng chấp nhận bất thành văn, là:

Lý Toét là một ông già nhà quê, có chức phận trong làng, chức Lý trưởng, nên được gọi là Lý, mắt bị bệnh đau-mắt-hột từ bé, thành ra nó cứ kèm nhèm, như viền vải tây đỏ, ta gọi là mắt toét. Nhập hai chữ Lý và Toét vào nhau thành tên luôn, chứ Lý Toét không phải là tên cúng cơm, bố mẹ đặt cho.

Lý Toét nghèo, sống ở thôn quê, chưa từng được thấy những thứ văn minh ngoài phố do người Pháp mang lại. Lý biết đọc chữ quốc ngữ, biết ít chữ nôm, chữ nho, nhưng không hiểu tiếng Pháp, nên có nhiều phen không thông về chữ nghĩa, nhầm chữ nọ sang chữ kia tí chút. Vì nghèo nên Lý Toét tham ăn, lại nghiện rượu, nên ích kỷ, chỉ muốn mình được phần to, thêm nữa, không hiểu gì về vệ sinh, ăn ở dơ bẩn, nên cả tin, sợ hãi đủ mọi thứ. Lý Toét rất mê tín, thờ đủ mọi loại thần thánh, từ con cóc sành trên bề nước ngoài vườn hoa, đến con hổ sống trong chuồng Vườn Bách Thú...

Vợ con ở quê rất lếch thếch. Lý Toét có một cô con gái lớn tên là Ba Vàng, cô này xưa bỏ nhà ra đi, rồi lấy tây. Thịnh thoàng cụ Lý có xuống vùng mỏ thăm con gái, báo Xuân Phong Hóa, số 85 tường thuật thế. Cô có con, thịnh thoàng con bị sài đen cũng mang vào bệnh viện chữa, làm cụ Lý đi tìm thăm thật khốn khổ. Phong Hóa có tranh chân dung của cô, cô mặc áo tân thời, nom cũng đẹp ra phết (khi trước còn ở dưới quê thì vẫn vận áo tứ thân). Nhân vật áo Lý Toét với đầy đủ tính cách như vậy, được họa sĩ Đông Sơn sáng tác ra. Nhưng cha đẻ của Lý Toét đã rất hào phóng không giữ tác phẩm cho riêng mình, mà rủ tất cả mọi người cùng tham dự vẽ Lý Toét! Do đó, cùng với Đông Sơn Nhất Linh, các họa sĩ của Phong Hóa nhảy vào vẽ Lý Toét với đầy hứng thú trong các tranh vui của báo Phong Hóa. Thế là: Cuộc Vui “Vẽ Lý Toét” bắt đầu!

Mỗi họa sĩ anh tài của Phong Hóa vẽ ra một Lý Toét dung mạo khác hẳn nhau, nhưng cùng tính cách, vẫn nhận ra được. Độc giả có thể ngắm các Lý Toét khác nhau trong hình trên của các họa sĩ Đông Sơn, Nhất Sách, Tô Tử tức Ái Mỹ Tô Ngọc Vân, Lemur tức



Nguyễn Cát Tường, Bloc tức Trần Bình Lộc, Ngym tức Ngạc Mai tức Trần Quang Trân, Trần An....

Nhân vật Lý Toét với rất nhiều tranh chân dung đó, đã nổi lên vừng vàng thân ái như một vì sao mới mọc trong lòng độc giả báo Phong Hóa. Sau này có thêm danh họa Nguyễn Gia Trí (lúc đó mới ra trường) tức Rigt, tức Gtri, cùng nhiều người khác, kể cả Lê Ta Thế Lữ cùng vẽ chân dung Lý Toét (vẽ chữ số thành hình cụ Lý).

Nhưng ngắm tranh Lý Toét lâu, ta thấy cụ có vẻ hơi ... cô độc, thiếu bạn. Và việc phải đến, đã đến: Xã Xệ xuất hiện. Nhất Linh gọi đó là do tự nhiên phải thế. Xã Xệ là một nhân vật bằng vai phải lứa với Lý Toét.

Xã Xệ béo ịt, thấp lè tè, đầu trọc lông lóc, còn độc một sợi tóc quấn xoắn ốc trên đỉnh. Hình ảnh Xã Xệ hoàn toàn đối chọi với Lý Toét gầy đét và cao lênh khênh. Xã ra đòi để đầu láo với Lý, cãi chày cãi cối với Lý, chung buồn chung vui với Lý...Ngớ ngẩn, lẩn thẩn sống cuộc đời mới của dân nô lệ mất nước, dưới sự bảo hộ của mẫu quốc Phờ Lãng Xa cùng Lý.

Cha đẻ của Xã Xệ là họa sĩ Bút Sơn, từ Saigon gửi tranh vẽ ra Hà Nội. Tôi nghĩ vị này là một độc giả yêu quý Phong Hóa, nên tạo ra nhân vật Xã Xệ đối kháng với Lý Toét. Ông lấy hiệu Bút Sơn để nhái Đông Sơn. Nhưng Nhật Linh đến tận khi mất, vẫn chưa biết tên thật của Bút Sơn. Trên tờ di cáo “Đời làm báo” ghi tất cả tên và bút hiệu các cộng sự viên, trong cũng như ngoài Tự Lực Văn Đoàn, Nhật Linh có hàng chữ sau:

Bút Sơn ở Saigon (Người đẻ ra Xã Xệ), tên thật chưa biết. Xin ông Bút Sơn (nếu ông còn sống) hoặc các bạn, cho biết tên thật.

Hiện nay chúng tôi được biết tên thật họa sĩ Bút Sơn là Lê Minh Đức. “Theo nhà báo nhà thơ trào phúng Tú Kênh viết trên Báo Bình Minh Xuân Mậu Thân 1968 xuất bản ở



cùng Lý lên ngay trang bìa của báo. Dưới đây là bức tranh trên Phong Hóa, Xã Xệ ra mắt toàn dân An Nam, cỡi Đông Pháp, với lối lý luận hạng nhất:

Vậy là báo Phong Hóa đã tạo dựng được cặp đôi hý họa Lý Toét, Xã Xệ, mang rất nhiều “đặc tính dân tộc”, đi vào lịch sử văn học Việt Nam:

Tranh Lý Toét Xã Xệ không của riêng ai,



thật là thú vị. Mỗi bức tranh có khi là một tấm, có khi là một loạt nhiều tấm như phim hoạt họa, với lời chú giải ngắn gọn hoặc vài câu thoại, chính là một câu chuyện nhỏ, nhiều khi rất thâm trầm, nhiều khi mộc mạc.... Ai có một

Saigon thì: Vào năm 1936 báo Phong Hóa, nhóm Tự Lực Văn Đoàn, ở Hà Nội, có tổ chức cuộc thi vẽ tranh hài hước, họa sĩ chuyên vẽ tranh hài hước Bút Sơn Lê minh Đức ở Saigon vẽ một bức tranh gửi ra Bắc dự thi” (1).

Lý Toét: Thế này là nhát cừ lưỡng tiện. Cán một lần hai đĩa rồi chia hai ra thì cũng được chứ ỉ!

Thật ra, lần đầu tiên Xã Xệ xuất hiện trong tranh Bút Sơn là ngày 16 tháng 3 năm 1934, trên báo Phong Hóa số 89. Xã Xệ đã được đón tiếp thật nồng hậu. Xã

vài ý nghĩ chủ đạo là có thể vẽ ra một tranh hay, nếu không biết vẽ thì viết thành truyện cười Lý Toét cũng không kém phần dí dỏm.

Trong khi đó, nhờ những cuộc thi tranh khôi hài của Phong Hóa, nhiều họa sĩ bên ngoài tòa soạn đã tới vẽ cho Phong Hóa như NG9, HKB, DLAN, Trần An, 2TTG, Mạnh Quỳnh... và rất nhiều người không chuyên cũng vẽ. Thêm nữa, các họa sĩ còn mang hình ảnh Lý Toét Xả Xệ phổ biến, nhân rộng ra khắp các báo thời bấy giờ, từ ngoài Bắc tới trong Trung, trong Nam. Họa sĩ thích vẽ, người thường thích kể chuyện, báo nào có Lý Xả thì có nhiều người đọc. Đến nỗi cặp đôi này đã trở thành những nhân vật để quảng cáo! Có những bài quảng cáo thuốc, quảng cáo rượu của Lý Toét ... đăng ngay trên Phong Hóa, Ngày Nay rất nhiều lần.

Để cạnh tranh, báo Thanh Niên số #2, ra ngày 27-1-34 cho ra đời “Xả Dù” một anh em họ hàng với Lý Toét. Nhưng tiếng tăm của Xả Dù quá lu mờ, nay không ai còn biết, nhớ đến (bài Cuộc Điềm Báo, Phong Hóa số 84).

Như vậy là Đông Sơn Nhất Linh đã dựng ra được một phong trào có vô số họa sĩ trong, ngoài tòa báo, cùng độc giả “dấn thân”, đua nhau sáng tác ra vô số tranh Lý Toét Xả Xệ kể chuyện vui đùa!

Còn gì thú vị hơn!

Từ đó, Lý Toét Xả Xệ xuất hiện đều đặn trên báo Phong Hóa và Ngày Nay, qua những truyện vui lý sự cù nhây. Thỉnh thoảng Lý Toét có bài viết riêng như “Điều thỉnh cầu của Lý Toét”(Phong Hóa số 68), bài thơ Vợ Lý Toét Khuyên Chồng, trong mục Dòng

Nước Ngược, thơ trào phúng của Tú Mỡ, rồi Lý Toét Trả Lời, Lý Sự Cùn viết... Lâu lâu báo có đăng Lý Toét Phú, Xả Xệ Phú, Ván Cờ Lý Toét, cả Văn Tế Lý Toét (của Đỗ Đức Thu, làm trước, phòng khi...), ...

Nhưng nhiều nhất, được chú ý nhất, vẫn là những bức tranh Lý Toét Xả Xệ, với những cảnh trông thấy, gặp thấy trên tinh. Có nhiều kỳ bao Phong Hóa, Ngày Nay có cả năm, bảy tranh Lý Xả trên cùng một số báo. Tranh nào cũng kể những chuyện ngây ngô, những suy nghĩ, suy luận chéo cẳng ngược, những hiểu

lầm về ngôn ngữ tây ta tâu... Những câu chuyện vui vu vơ, vô tội này, ngày một lan rộng, ngày một thu hút. Những tính tình xấu xí, gàn bướng, cù nhây, đáng cười... của người đời được diễn tả, phô bày dưới hình thức khôi hài rất duyên, rất khéo... Trong đó, Lý, Xả rất “nghệ”, với những phản ứng không giống ai, diễn tả được

biết bao khía cạnh khác nhau của cuộc sống.... Quý vị độc giả đừng tưởng hai cụ nhà quê này luôn luôn khù khờ, trái lại, có khi rất láu lếu! Và trong nhiều tranh các cụ lý luận hay đáo để!

Khi Lý Toét phải ra tòa trả lời tội gửi thư với tem đã đóng dấu. Cụ Lý trả lời quan tòa tây: “Lần nào nhận thư của con gái, là cô Ba Vành, gửi về cũng thấy tem đã đóng dấu”.

Đúng quá chứ!

Cặp bài trùng Lý Xả của Phong Hóa Ngày Nay dần dần trở nên vô cùng nổi tiếng, được sự ủng hộ triệt để của quốc dân, từ trẻ con tới người lớn. Người coi tranh, mê tranh mỗi ngày một nhiều, tạo ra một hiện tượng xã



hội chưa từng có. Năm 1933, Georges Mignon, trong Nụ Cười Tân Á, khen ngợi Lý Toét của Phong Hóa (2). Và năm 2007, tại Mỹ có bài nghiên cứu của George Dutton: Lý Toét in the City (3),.. Còn ở Việt Nam thì tới ngày nay vẫn có lai dai bài viết, khảo cứu, kịch, chèo... về Lý Toét.

Rõ ràng từ 1932 tới cuối năm 1940, tranh Lý Toét là những cú đâm xằm vào đời sống văn minh mới, do “mẫu quốc” mang tới, của hai cụ nhà quê cổ hủ “đậm đặc dân tộc tính”.. Đó cũng là lúc dân ta đang gặp phải cái “chạm trán tóe lửa” của hai nền văn hóa Đông Tây. Như bà văn sĩ Pearl Buck (giải thưởng Nobel về văn chương 1938) trong truyện ngắn ‘Bà Mẹ Già’, Huyền Hà dịch, Ngày Nay số 200, 1940, kể chuyện bên Tàu: Cô con dâu đi du học về, trong bữa cơm đại gia đình, đã: “hết ỉnh lên vì sợ, khi thấy bà cụ mẹ chồng đưa đôi đũa đã liếm nghiêm chỉnh thật sạch trước, chọc vào đĩa thức ăn chung của cả nhà”.

Đồng thời trong những bức tranh nhỏ Lý Xã, các ý tưởng được đào sâu dần, nói lên được nhiều điều muốn nói. Người đọc ngày một thâm thía về thân phận người dân nhược tiểu mất nước, khi đa số dân chúng còn chưa được giáo dục, vô kỷ luật, hay sợ hãi, mê tín, và cam chịu tui nhục dưới ách nô lệ của Pháp. Những bức tranh hý họa nhẹ nhàng hóm hình đó phơi bày dần dần những thói hư tật xấu của dân ta. Có người cho rằng báo PH NN đã bôi xấu người nhà quê! Không! ta phải hiểu rằng nếu dân ta còn nghèo đói, vô học, sống khổ sở như thế, chịu bao nhiêu bóc lột đè nén như thế, thì lẽ dĩ nhiên hủ lậu mê tín phải sinh ra tham lam, ích kỷ, ...Nhưng tới đó thì chúng ta phải tự hỏi: “Phải làm gì đây?”

Đó là chủ ý của Tự Lực Văn Đoàn: dùng văn chương, báo chí để vận động cải tạo xã hội.

Trong bài Trả lời Tân Xã Hội, Hoàng Đạo viết trên Ngày Nay số 30, năm 1936: “Ông sẽ phải công nhận như chúng tôi, là dân

chúng -hầu hết là dân quê- chỉ biết mình khổ cực, đói rét, chứ chưa biết đường tự bênh vực lấy mình. Vậy công việc tối quan trọng của ta, của chúng tôi, của ông, là làm thế nào cho họ hiểu hết quyền lợi nghĩa vụ của họ. Công cuộc to tát không phải một ngày mà nên: công cuộc ấy có thành cũng nhờ một phần lớn ở sự tự do báo chí và tự do kết đoàn”(4).

Thực vậy, muốn dân chúng hiểu nghĩa vụ và quyền lợi của họ, thì việc đầu tiên là phải thu hút dân chúng bằng báo chí, phải tìm cách làm dân muốn nghe, thích nghe ta nói. Vậy trước hết, hãy xét lại chính mình. Hẳn trước khi thành người thành thị, ai chẳng có gốc gác nhà quê, không là ta, thì bố mẹ ông bà...ta, đã từng ngó ngàng “nhà quê lên tính” như thế. Mà người Việt nào cũng có quê, như Nguyễn Trai quê Nhị Khê, Nguyễn Du quê Tiên Điền, Hồ Xuân Hương quê Nghi Tâm, Cao Bá Quát quê Phú Thị... Mồ mà các cụ tổ tiên chúng ta đều còn ngay ở giữa những cách đồng lúa lầy lội đó, chứ đâu? Mà cũng những nơi nhà quê đó, có kho tàng vốn cổ ai cũng say mê, đó là những tranh khôi hài, các chuyện cười, chuyện diều, chuyện tiêu lâm, phóng đại, nói khoác... Chuyện được truyền khẩu từ ngàn xưa, từ các bác dân quê như Ba Giai, Tú Xuất ngoài Bắc, tới bác Ba Phi trong Nam, cùng các vị trí thức không theo lẽ lối quan trường như các Trạng, Trạng Quỳnh, Trạng Lợn,... rất nhiều. Những chuyện đối đáp với sứ Tàu



của các vị thiên sư từ hơn nghìn năm trước, hay giai thoại những câu đối đáp giữa Chiêu Hồ, Hồ Xuân Hương ai mà chẳng mê. Và các tranh cổ ngộ nghĩnh được bán trong những phiên chợ quê, chợ Tết, như Đám cưới chuột, Vinh quy, Đánh ghen, Hứng dừa ... của làng Đông Hồ, ai mà chẳng thích?

Ta hãy ngắm lại hai tấm tranh Đông Hồ dưới đây:

- 1- Đám cưới chuột
- 2- Đánh Ghen

Trong khi đó, người đầu đàn của Tự Lực văn đoàn Nhất Linh Đông Sơn là một họa sĩ. Các thành viên khác như Thế Lữ, Khải Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam... cũng có thú vẽ tranh không phải thường. (Nếu bạn đọc tinh ý thỉnh thoảng có thể bắt gặp trong Phong Hóa hoặc Ngày Nay những bức vẽ rất đẹp ký tên Khải Hưng, Tứ Ly, ... Đặc biệt, Ngày Nay số 198, xuân 1940, có in

tranh vẽ của nhiều thành viên Tự Lực Văn Đoàn: Khải Hưng, Tú Mỡ, Thế Lữ, Hoàng Đạo, Thạch Lam). ... Với tinh thần mỹ thuật từ bản chất của ban biên tập như thế, hai báo Phong Hóa, Ngày Nay sử dụng tranh ảnh trang trí rất nhiều, luôn luôn có họa sĩ nhà nghề làm việc minh họa. Những họa sĩ lớp mới này được học rất bài bản, họ học được kỹ thuật hội họa Tây phương tại trường Mỹ Thuật Đông Dương tại Hà Nội (Khóa đầu của trường tốt nghiệp năm 1930). Vì vậy, họ sử dụng rất thông thạo kỹ thuật hý họa kiểu tây phương, để đưa rờn các ông dân biểu, các quan thượng thư ... với mục đích sửa lưng các ông, xin các ông nhớ đến dân đến nước, và làm cho công chúng hiểu đời sống chính trị

hơn... Những năm sau có thêm Bang Bạnh và Ba Ếch trong thể giới hoạt kê đó, giúp các họa sĩ tạo được nhiều màu sắc, nhiều khía cạnh sâu xa hơn trước. Tuy nhiên, hai nhân vật này không được yêu thích bằng Lý Xã.

Cũng với lý tưởng làm thay đổi bộ mặt xã hội, dân sinh, TLVĐ và các họa sĩ, kiến trúc sư đã giới thiệu cách sống mới hợp vệ sinh, kiểu nhà mới Ánh Sáng và nhất là việc sáng tác áo dài kiểu mới Lemur cho phụ nữ, một thành công vang dội, tới ngày nay “áo dài” còn chịu nhiều ảnh hưởng.

Trong khi đó Tứ Ly Hoàng Đạo viết hàng loạt bài trên Phong Hóa Ngày Nay như Trước Vành Móng Ngựa, Bùn Lầy Nước Đọng, Công Dân Giáo Dục, Có Cứng Mới Đứng Đầu Gió (ký tên Tường Vân),... kể chuyện trong tòa án, giải nghĩa nhiệm vụ công dân, chỉ dẫn cho dân chúng về pháp luật, để họ hiểu và biết cách sống, cách cư xử cho khỏi bị ép buộc vô lý, và

cũng đề tở báo mưu tính những cái cách về xã hội.

(Trong bài viết ngắn này, chúng tôi không nói tới sự nghiệp văn chương lừng lẫy của các văn hào, thi bá, thành viên Tự Lực Văn Đoàn, mà chỉ xin nhắc thêm rằng các tiểu thuyết, thơ mới, kịch nói... của các vị, đã làm say mê bao thế hệ người Việt, đã thay đổi cách viết, cách sử dụng chữ Việt, văn chương Việt, đã trợ giúp rất nhiều cho công việc cải tạo xã hội về mọi mặt).

Ngắm lại những bức tranh Lý Toét thật lý thú, báo Phong Hóa Ngày Nay có khá nhiều: gần 1000 tấm. Hai khía cạnh mỹ thuật và khôi hài, đã trộn vào nhau rất ăn ý. Chúng là một sáng tạo tài tình gồm cả đông lẫn tây, cả xưa



lần nay, trong suốt một thập niên đã nở rộ đến không ngờ: Phong Hóa và Ngày Nay càng ngày càng đông người đọc, đã trở thành một tờ báo không đối thủ trong làng báo lúc đó, mà cũng có lẽ cả lịch sử báo chí Việt Nam xưa nay. Có lần tờ báo Xuân Phong Hóa đã phải xuất bản lần thứ hai, vì nhu cầu bạn đọc. Trong tinh thần phản đối Khổng giáo lỗi thời hành hạ con người, đã phá thái độ phong kiến quan lại cũ, chế diễu lòng mê tín ngu muội, tố cáo sự cao thủ nặng của tờ báo, những tấm tranh bé nhỏ đã được đọc tới rất nhiều vấn đề, rất nhiều hủ tục, thói xấu, đã phá bót “những ý kiến cổ hủ, nó làm mờ mịt khối óc người ta” Riêng những vấn đề xã hội, chính trị thực sự, chỉ được nói đến một cách rất nhẹ

nhàng, chúng được đầu rất kỹ để tránh kiểm duyệt rất khắt khe của thực dân Pháp, Tuy vậy, ngày 31 tháng 5 năm 1935, Phong Hóa đã bị Thống sứ Bắc Kỳ đình bản ba tháng. (Tới nay, không ai biết tại sao báo bị đóng cửa. Có người cho là do loạt bài “Thân thoại tân thời” Hậu Tây Du Ký nói động đến Phạm Quỳnh, Nguyễn Tiên Lãng của triều đình Huế... có người cho là do bài phóng sự sắc bén về Hoàng Trọng Phu... đều do Hoàng Đạo viết. Tất cả chỉ là phỏng đoán, theo cuốn Tiếng Cười của Tú Mỡ, (Vu Gia, cuốn Hoàng Đạo, nhà báo, nhà văn, (6)). Theo Martina Nguyễn Thực Nhi: “Do cả hai điều trên”, trong hồ sơ của phòng nhì Pháp: việc đóng cửa ba tháng báo Phong Hóa là do báo này đã chế diễu các quan lại An Nam.

Ngày 5-6-1936, Phong Hóa số 190 đăng một tranh Lý Toét vẽ nhái theo chuyện “Tam

anh chiến Lã Bố” của Tam Quốc Chí, rất đẹp, không có chữ ký họa sĩ. Ngắm nét bút đặc biệt sống động, ta có thể nhận ra họa sĩ vẽ tranh là Tô Tử tức Tô Ngọc Vân, một trong những họa sĩ chính của Phong Hóa thời đó. Theo thông lệ, các tranh khôi hài thường được mang ra bàn luận trong giờ làm việc chung của cả tòa soạn. Một bức tranh nhiều ẩn ý sâu xa, mà không ký tên tác giả chắc là do sự góp ý của nhiều thành viên tòa soạn.

Theo sách Tam Quốc Chí, vào đầu công nguyên ba nước Ngụy, Thục, Ngô chia nhau nước Tàu, tranh dành quyền lực, gây chiến tranh dài cả trăm năm. Trong một trận đánh quyết liệt, tam anh, Lưu Bị, Quan Vũ và Trương Phi, nước Thục, cùng nhau vây đánh

Lã Bố, nước Ngụy. Lã Bố tuy là đại tướng nổi tiếng vô địch, nhưng mãnh hổ nan địch quần hồ, đã thua. Truyện này rất phổ thông ở Việt Nam, trước đây gần như ai cũng biết. Trong các buổi diễn tuồng cổ, màn này thường được trình bày rất sôi nổi, các diễn viên hóa trang kiểu xưa, mặt mày tô màu xanh đỏ rực rỡ, áo

mũ tuồng lộng lẫy xênh xang, biểu diễn múa võ cao cường, trong tiếng chiêng trống rộn ràng, và nhiều khi cả tiếng la hét cổ vũ của người xem.

Bức tranh này vẽ: “ba con chó cắn bổ Lý Toét”, có con trai Lý Toét đứng ngoài xem, dơ tay múa chân reo hò: “A ha! Tam anh chiến nhất Bố!”

Thật là một câu đùa diễn Tam Quốc “Tam anh chiến Lã Bố” để ví tuyệt hay. Tuyệt hay, vì hai câu có cấu trúc hoàn toàn giống nhau, diễn tả hai trận đánh hoàn toàn khác nhau. Do



cách dùng hai nghĩa của chữ “Bố”: Bố là tên của đại tướng nước Tàu: Lã Bố, mà “bố” cũng là bố của đứa con đang đứng ngoài dơ chân múa tay reo hò.

Đọc câu điền Tam Quốc, ta chỉ cần thay chữ “Lã” bằng chữ “nhất” là biến thành câu ví, câu reo của con Lý Toét: Chuyện chiến đấu hào hùng trong sử Tàu biến thành chuyện Lý Toét la ó chống chọi với ba con chó dữ. Nó làm người xem tranh cảm được ngay, và cũng đau nhói lòng ngay, vì thấy đứa con trai reo hò vui thích trước sự nguy khốn của bố mình. Đó là:

- Con vô cảm, vô ý thức hay còn quá trẻ dại không biết rằng bố đang lâm nguy bởi ba con chó dữ tấn công? Cùng lúc, nó nhắc người xem tranh:

Lý Toét có mặt trên Phong Hóa từ số đầu tới nay, Lý Toét tượng trưng cho Phong Hóa:

- Độc giả có biết rằng báo Phong Hóa đang trong con khốn khó, có cơ nguy bị Pháp đóng cửa, rút giấy phép vĩnh viễn bất cứ lúc nào? (như rất nhiều báo thời đó, không được giải thích tại sao)

Lý Toét, nhân vật thâm đảm đặc tính dân tộc, những xấu tốt của vốn cô, tượng trưng cho đất nước lúc này:

- Quốc dân có biết rằng đất nước mất chủ quyền, đang bôn bề thọ địch? (“Địch” là thực dân Pháp, là sự ngu tối, dốt nát của đại đa số dân chúng, là sự chia rẽ của các đảng phái trong nước, nguy cơ nội chiến...)

Trong cảnh tình như thế, bố Lý Toét làm sao sống nổi! Than ôi! Đó cũng là tiếng kêu cứu của Phong Hóa! Trùng hợp hay chính là lý do(?), đúng lúc đó thực dân đóng cửa báo. Báo Phong Hóa bị chết ngay sau số 190 này!(05/06/1936)

May thay, báo Ngày Nay hãy còn giấy phép, (Ngày Nay là báo dự phòng của TLVĐ, do Nguyễn Tường Cẩm, anh ruột Nguyễn Tường Tam, một công chức, đứng tên, NN số 1 ra ngày 30/01/1935) nên Tự Lực Văn Đoàn còn hoạt động thêm được mấy năm nữa. Lý Toét còn tiếp tục sống, tiếp tục kể chuyện đời trên báo.

Phải đến thời Mặt Trận Bình Dân cầm quyền ở Pháp, những lời mong cầu tự do, bỏ kiểm duyệt, bớt thuế... mới được viết ra một cách công khai. Những tướng Mặt Trận Bình Dân thuộc tả phái, sẽ nói lòng chế độ bảo hộ. Mà không! Tất cả những lời hứa chỉ là bánh vẽ, báo chí vẫn chịu chế độ cũ, bởi vì bên Pháp vẫn còn Bộ Thuộc Địa, thực hành chủ trương khai thác thuộc địa, phục vụ Mẫu Quốc. Sau này, dù trong thế chiến thứ II, dù năm 1939 Paris đã bị Đức Quốc Xã chiếm đóng, chế độ Bảo Hộ ở Bắc Kỳ vẫn rất khắt khe: Báo Ngày Nay bị đóng cửa vĩnh viễn năm 1940, người viết báo bị bắt bỏ tù (Hoàng



Đạo, Khải Hưng, Nguyễn Gia Trí... bị giam, bị tra tấn dã man...từ 1941 tới 1943, tại Vụ Bản, Hoà Bình (5)).

Trong bức tranh Mẫu Quốc (nước mẹ), dưới đây, Ngày Nay số 110, 1936, nhân Ủy Ban điều tra do Pháp gửi sang Việt Nam sắp làm xong công việc. Hy vọng của quốc dân

là: Chắc sẽ có kết quả tốt? Họa sĩ Rigt Nguyễn Gia Trí viết một câu chửi đồng:

- Ô, trông mong... nước mẹ gì!

Thế rồi tới giữa năm 1940, báo Ngày Nay cũng bị đóng cửa rút giấy phép.

Sau một vài cố gắng của Khải Hưng, Thạch Lam ra báo, sách... đều chết yểu, các thành viên phân tán, văn đoàn Tự Lực tan đàn sê nghệ: Người chết vì bệnh, người bị Pháp bắt bỏ tù, an trí, người trốn sang Tàu làm cách mạng, người đi xa lánh nạn, người quay sang kịch... Chi còn nhà xuất bản Đời Nay sống lay lắt, in sách bán... Tới tháng 4-1945 còn xuất bản cuốn thơ Hoa Niên của Tế Hanh, (Tế Hanh cùng Anh Thơ được giải thưởng thơ của TLVĐ năm 1939, năm cuối còn có phát thưởng, trước khi báo NN đóng cửa). Hoa Niên chính là cuốn sách cuối của Đời Nay.

Và cuối cùng, tới tháng 5-1945 báo Ngày Nay Kỷ Nguyên Mới ra đời, Hoàng Đạo phụ trách mục "Kiểm điểm chính trường Việt Nam"(Hồ Hữu Tường, Nguyễn Tường Long, nhà chính trị, Tạp chí Văn, số 107) Báo ra được 16 số là hết. Tới giữa năm 1946, nhà in được mang bán, chia tiền cho các thành viên.

Từ đó tới nay, chúng ta chưa bao giờ thấy lại một văn đoàn, một nhóm văn nghệ sĩ tài năng như thế, chung sức làm được một kho tàng văn hóa thành công như thế nữa. Tất cả chỉ còn là bóng con chim nhọn bay qua ngang trời...

Tôi còn nhớ khi còn rất nhỏ, được biết hai nhân vật huyền thoại Lý Xã qua một bài hát do các chị dạy truyền khẩu, trước khi đi học chữ, để có thể đọc được tiêu thuyết của TLVĐ (Mà phải đọc lên, vì gia đình tôi cấm con gái đọc tiêu thuyết). Đó là bài hát sau đây, tuy tôi thuộc nằm lòng nhưng không biết tác giả là ai, phải hay không phải là người của Văn Đoàn Tự Lực:

Ông Lý Toét mà cấp cái ô

Đi ra phố gặp lúc mưa to

Có bác Xã Xệ mà muốn đi nhờ

Tay thì vời vời miệng thét bỏ bô;

- Này bác Lý, thùng nhĩ hay sao?

Gọi như thế mà chẳng coi sao

Giá có chút rượu thì đèn chơi liền

Đi nhờ một tí mặt cứ vênh vênh!

- Này bác Xã thật rõ lời thôi

Còn non nước còn bác với tôi,

Ô tôi năng cụp mà bắt năng xòe

Năng dựa đầu hè mà bắt năng che!

Phạm Thảo Nguyên

(New York)

Thư mục:

(1) Nguyễn Mạnh Hùng, Đi tìm gia phả hai nhân vật áo Lý Toét và Xã Xệ, Đại học Hồng Kông, Băng,

(2) Georges Mignon, Nụ Cười ở Cối Tân Á, L'Asie Nouvelle. Phong Hóa, số 109, trang 9

(3) George Dutton, Lý Toét in the City: Coming to Terms with the Modern in 1930s Vietnam, Journal of Vietnamese Studies, vol 2, Issue 1, pps 80-108

(4) Hoàng Đạo, Trả Lời Tân Xã Hội, Ngày Nay số 30, 18/10/1936.

(5) Theo Nguyễn Lân, con Hoàng Đạo: Hoàng Đạo bị Pháp bắt cùng Nguyễn Gia Trí, giam ở Vụ Bản. Bà Hoàng Đạo đi thăm, mang về một chiếc áo đầy máu. Khi được tha về, ông bị đau tim nặng.

6 - Vu Gia, Hoàng Đạo, nhà báo, nhà văn, nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1997.

7- Lý Trực Dũng, Lý Toét Xã Xệ hai siêu sao của biếm họa Việt Nam, Thể Thao Văn Hóa 5/7/2008.

8- Lý Trực Dũng, Sức sống của Lý Toét Xã Xệ, báo Thể Thao Văn Hóa 7/7/2008.

9- Lý Trực Dũng, Lý Toét Xã Xệ: Nạn nhân hay chứng nhân, báo Thể Thao Văn Hóa 8/7/2008.

10-Tú Mỡ, Tiếng Cười, nxb Hội nhà văn, 1993



Mai Hoa Vàng Mới Mở: Ảnh Minh Châu (Virginia)

NHỚ XUÂN NÀO

Mai vàng khoe sắc với hồng đào, mơn mớn xuân tình đẹp biết bao
Ngắm mãi dáng hoa cười chúm chím, với hoài không được phải làm sao

Nằm mộng, rồi mơ lẫn ước ao, làm thơ tả cảnh nhớ xuân nào
Tả tình cứ viết vào trang giấy, đừng chắm qua hàng nổi xuyên xao

Xuân này lại thấy giống hao hao, gợi gấm đôi tay khẽ chạm vào

Mở ngõ, chuyển mùa cơn gió nhẹ, đưa từ nơi đó tới nơi nao
Nơi nao nguồn mạch vẫn tuôn trào, mật vị giao thoa quá ngọt ngào
Ngây ngất mùi hương theo nhịp thở, đất trời hoà điệu khúc ly tao

Phan Khâm

(Maryland)

Khóc Tố Như

*Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?*

GS Phạm Thị Nhung

Kỳ II

Như chúng ta đã biết, Nguyễn Du vừa đem con trở về Tiên-điền, Hà-tĩnh quê nhà (1796), chưa được mấy ngày thì nghe tin Nguyễn Ánh đã chiếm lại được Gia-định; Nguyễn Du bèn lên đường vào Nam ngay, tính nhờ tay Nguyễn Ánh diệt Tây Sơn. Chuyện bị lộ, trên đường tới Vinh ông bị bắt. Nhờ viên quan Trấn-thủ Nghệ-an là bạn thân của Nguyễn Nễ và y cũng tiếc tài ông nên chỉ giam mười tuần rồi thả về.

Trở lại Hồng-lĩnh, Nguyễn Du tiếp-tục ở ẩn, âm-thầm mưu tìm người tài-đức có chung chí-hướng làm chỗ dựa thân, lo chuyện đại-nghĩa.

Quê-hương Hà-tĩnh cảnh-trí hùng-vĩ, sông Lam sâu-thẳm, núi Hồng hoành-tráng dài cả trăm dặm, đã nuôi-dưỡng hùng-tâm con người nặng lòng vì nước vì dân này. Nguyễn Du cảm thấy tinh-thần phấn-chấn, hào-khí chất-ngắt:

Bách lý Hồng sơn chính khí đồng.

(Ký Hữu)

Ông mơ chuyện đẩy núi Thiên-nhận, lấp bằng năm trăm dặm sông sâu, xây-dựng lại một quê-hương đã nhiều khó-khăn, bị tàn-phá bởi chiến-tranh, bởi thiên tai:

Nghĩ khu Thiên Nhận sơn

Diễn bình ngũ bách lý.

(Lam Giang)

Đôi khi cao-húng, nhà thơ để cho trí tưởng-tượng bay bổng theo với ước-mơ, về một tương-lai tươi-sáng đang chờ-đợi:

Vô ngôn độc đối đình tiền trúc

Sương tuyết tiêu thời hợp hóa long.

(Một mình lặng ngắm hàng trúc trước sân

Sương tuyết tan rồi sẽ hóa long)

(Ký Hữu)

Nhưng rồi năm tháng lặng-lẽ trôi qua, nghĩa-sĩ mỗi ngày một vắng, thời-cơ không đến, công cuộc phục Lê càng ngày càng thêm khó-khăn. Cũng bởi Nguyễn Du đã đồng-hóa chuyện lo khôi-phục nhà Lê với lòng trung-trình yêu nước trong-sáng, với dạ son-sắt thủy-chung thẳng-tắp nguyên-phong của mình, nên dù cảnh-ngộ khắc-nghiệt thế nào, Nguyễn Du vẫn can-đảm một mình đeo-đuổi, sẵn-sàng chấp-nhận gian-khổ:

Cổ mạch hàn phong cộng nguyệt nhất nhân

Hắc dạ hà kỳ mê thất hiệu

(Đường mòn hun-hút, gió lạnh thổi thốc riêng vào một người

Đêm tối thăm-thẳm, chẳng biết bao giờ mới sáng?)

Và quyết giữ vững tâm-hòn trong-sạch, khí-tiết thanh-cao, không bao giờ chịu để cho bả lợi-danh lôi-cuốn:

Bất sâu cứu lộ triêm y duệ

Thả hỷ tu mi bất nhiễm trần.

(Không buồn vì dầm sương ướt áo

Chỉ mừng vì bụi trần chẳng bám được vào râu, mày mình.)

(Dạ Hành).

Nỗi hận mất nước vào tay Tây-Sơn chưa cứu-vãn được, thì cái nghèo trong cuộc sống thực-tế hằng ngày đã đầy-đọa nhà thơ khổ-đốn:

Nghèo đến nỗi - Suốt ngày bếp không đủ lửa /Ngoài song chỉ có hoa cúc vàng đẹp...có thể ăn được! :

Táo đầu chung nhật vô yên hỏa

Song ngoại hoàng hoa tú khả xan.

(Tạp Ngâm II)

Trong lúc cùng-quẫn này, nhà thơ cầu-cứu đến đạo Phật. Nhờ kinh-điển Phật-pháp khai ngộ, ông rõ được lẽ “sắc không” của mọi thứ trên đời, như lá rụng, hoa nở chỉ là sự chết sống vô-thường của sự vật hiện ra trước mắt; nên tâm không còn bị vương-mắc mà lúc nào cũng giữ được sự thanh-thần, an-nhiên, tự-tại:

*Diệp lạc hoa khai nhãn tiền sự
Tự thời tâm kính tự như như.*

(Tập Thi)

Suốt thời-gian ẩn cư nơi Hồng-lĩnh, Nguyễn Du cũng đã nhiều lần nhắc đến thú đi săn, đi câu, thú uống rượu, hay ca-ngợi thú lánh mình trên ngọn núi cao thâm, cách-biệt hẳn nơi gió bụi/ Mây chiều che kín cánh cửa gỗ/ Ước gì thoát khỏi vòng trần-tục/ Ngồi dưới gốc tùng thú xiết bao:

*Vạn sơn thâm xứ tuyết phong trần
Thác lạc Sài môn bé mộ vân
Ná đặc khiêu ly phù thế ngoại
Trường tùng thụ hạ tối nghi nhân.*

(Sơn Thôn)

Tất cả đó không ngoài mục-đích di-dưỡng tinh-thần, giúp ông tạm quên phần nào nỗi buồn-thương thế-sự.

Thời-gian lặng-lẽ trôi, thâm-thoát đã gần 6 năm ở Hồng-lĩnh (1796-1802), Nguyễn Du nhâm tính lại, không khỏi ngửa mặt bi-phẫn than trời, bao nhiêu mộng đẹp về lý-tưởng phục Lê giúp nước (hùng-tâm), về mưu-sinh đều trở thành chuyện hão. Cuộc sống thực-tế bi-đát, đói rét, bệnh-tật triền-miên đã cướp hết tuổi trẻ của ông:

*Tráng sĩ bạch đầu bi hướng thiên
Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên
Xuân lan thu cúc thành hư sự
Hạ thử đông hàn đoạt thiếu niên.*

(Tập Thi)

Nguyễn Du cay-đắng, đúng hơn là quá thất-vọng, vì chuyện khôi-phục Lê triều đã đi vào bế-tắc, cả mười năm không ai hỏi tới,

ông tìm đâu ra thuốc tiên để chữa căn bệnh trầm-kha này?

Cửu chuyển hoàn đan hà xứ tâm?

Cuối cùng, nhà thơ đành bỏ tay, chỉ còn biết cầu-mong ở một phép lạ: Ước gì vàng trắng sáng xuất-hiện / Ánh sáng gội xuống xua hết mọi bóng tối:

*An đắc huyền quang minh nguyệt hiện
Dương quang hạ chiếu phá quần âm.*

(Ngọa Bệnh II)

Thời-thể biến-chuyển, sau 5 năm tại vị, vua Quang-Trung bị bạo-bệnh thăng hà, con là Nguyễn Quang-Toàn mới 10 tuổi kế vị, không đảm-đương được việc lớn, quan quân chia-rẽ, chính-sự đổ-nát, dân-tình rối-loạn. Nguyễn Phúc-Ánh có cơ-hội phục thù, đem toàn lực-lượng từ xiêm-la trở về lấy lại Nam-hà, rồi lên ngôi Hoàng-đế ở Phú-xuân, đặt niên-hiệu là Gia-Long (1802). Nhiều bề tôi nhà Tây-Son đã ra đầu quân cho Nguyễn Vương. Tháng 6 năm Nhâm tuất (1802), Gia-Long thân-chinh tiến đánh Bắc-hà, chỉ trong 1 tháng chiếm được Thăng-long, thống-nhất giang-sơn. Để xoa dịu tình-hình ngoài Bắc, vua Gia-Long phong tước cho con cháu nhà Lê, nhà Trịnh, lại cấp ruộng đất cho hai họ để giữ việc thờ-phụng tổ-tiên. Đồng thời, xuống dụ cho các cựu thân nhà Lê đến nơi hành-tại, tùy tài bổ-dụng. Nhiều người hưởng-ứng. Theo Đại-Nam Chính-Biên Liệt-Truyện, Nguyễn Du “ Đến khi có lệnh gọi, không thể chối từ, ông bất-đắc-đĩ phải ra ”.

Lâm vào hoàn-cảnh không chờ-đợi này, Nguyễn Du chắc hẳn đã nghĩ, nhà Tây-Son đã mất, Gia-Long nay thống-nhất sơn-hà thì chuyện phục-hồi cơ-nghiệp nhà Lê trở thành không tưởng.

Và cái chí-nguyện bình-sinh hưởng-thượng của ông trước sau vẫn là mong được phụng-sự quốc-gia, dân-tộc. Chẳng thế, ông đã bao năm phải bôn-ba cực-khổ đi tìm người tài-đức để cùng mưu việc phục Lê cứu

nước, và làm chỗ dựa thân, đem tài ra giúp nước. Người mà Nguyễn Du nghĩ đến đầu tiên chính là Nguyễn Ánh (Gia-Long ngày nay), khi ông tính chuyện vào Nam mượn tay Nguyễn Ánh diệt Tây-Son? Nay Tây-Son đã bị Nguyễn Ánh tận diệt; thù nhà, nợ nước coi như đã được họ Nguyễn trang-trải giùm, ông cũng tạm yên lòng? Huống chi, Nguyễn Hoàng, ông tổ của vua Gia-Long cũng là người xuất-thân từ một gia-đình thế-phiệt ngoài Bắc, vào Nam mở-mang được bờ-cõi, lập nên một triều-đình hiển-hách. Gia-Long cũng là người có tài, có chí lớn. Và qua cách đối-xử vừa rồi với con cháu Vua Lê, Chúa Trịnh và đám cựu-thần nhà Lê, thì thấy, Gia-Long cũng là ông vua có nhân, có nghĩa, biết trọng hiền-tài.

Nay Nguyễn Du có lệnh gọi đích danh ra làm việc, không ra, tránh sao khỏi bị nghi-ngờ? Thôi thì hãy tùy duyên ra làm quan với nhà Nguyễn, âu cũng là một cơ-hội để ông góp phần trong công-cuộc kiến-thiết đất nước sau bao năm dài chinh-chiến. Đây chẳng là cái chí phụng quốc cao-thượng mà ông hằng ôm-ấp đó sao?

Nguyễn Du dẫu đã viện ra đủ mọi lý-lẽ để tự trấn an và làm hành-trang rời quê-hương Hồng-lĩnh lên đường ra Thăng-long chờ ngày lãnh ấn nhậm chức. Nhưng khi tới Thăng-Long tâm-tư ông sao rối-bời, ông cảm thấy có cái gì đó chưa ổn. Đối với bạn-bè, tránh sao khỏi bị dị-nghị: “ Nếu không vì bả lợi-danh, tôi trung sao thờ hai chúa”? Đối với bản-thân, thì lo “ Vì hoàn-cảnh, sẽ khó giữ được tấm lòng toàn-vẹn như xưa”. Khiến ông cả đêm thao-thức chẳng ngủ, bèn viết thư gửi bạn (Ký Hữu) để bộc-bạch nỗi lòng:

- Làm quan với nhà Nguyễn là chuyện vạn bất-đắc-dĩ đó thôi, nếu không, tâm-tư ông đâu có khổ-sở thế này?

Thiên lý Trường an thử dạ tình.

- Một chức quan nhỏ ở một châu ngoài thì có đáng kể gì?

Nhất châu hà sự tiểu công danh.

- Trong khi ông phải hy-sinh từ bỏ tất cả những thú vui ăn-dật cực-kỳ cao-nhã, cực-kỳ thích-thú nơi quê nhà; như đêm nay không còn được ngắm vầng trăng tròn đầy, sáng vàng-vặc trên núi Hồng:

Hồng sơn sơn nguyệt nhất luân minh

Hay cái thú thềm chết được là thú nằm khểnh bên song cửa hướng Bắc (hóng gió mát), trong cuộc sống bình-yên, không còn vương-bận chuyện thế-gian, tâm đạt trạng-thái vắng-lặng, siêu-thoát:

Tiền sát bắc song cao ngoạ giả

Bình cư vô sự đảo hư linh.

Nguyễn Du tự ví mình, khi ở ẩn như ngọc còn trong núi đá chưa đeo-gọt (thái phác) thì vẹn-toàn, chớ khi ra làm quan với nhà Nguyễn, nhận chức-tước, bổng-lộc của người ta rồi, thì khác nào ngọc đã lấy ra gọt-rũa, đâu còn giữ được mặt thật của nó nữa:

Thái phác bất toàn chân diện mục.

Muốn phân-trần với bạn để cho lòng mình được nhẹ bớt ưu-phiên thì cứ viết ra thôi, chớ Nguyễn Du chẳng tin người đương-thời hiểu thấu được nỗi khô-tâm của ông đâu.

Tháng 8 Nguyễn Du nhậm chức Tri-Huyện Phù-dung, phủ Khoái-châu, Trấn Sơn-nam.

Sau mấy tháng làm việc với nhà Nguyễn, Nguyễn Du nhận thấy, chẳng những quan Tổng-Trấn Bắc-thành (Thăng-long bị đổi tên) là một vị tướng (Nguyễn văn Thành), được triệu từ Qui-nhon đến, mà các quan nắm đầu Tam-Tào cũng đều là người từ trong Nam được bổ ra để phối-hợp điều-khiển việc cai-trị dân. Từ cách tổ-chức làm việc đến cách xưng-hô, nét ăn ở của họ cũng khác-lạ, không giống dân Bắc-hà mình. Một bên như tiếng sáo gấp, một bên như tiếng tơ buồn, vạn lần không thể hoà-hợp được:

Cáp quân bi ti vạn bất đồng.

(Ngẫu Hứng)

Đầu tháng 11, lại nghe tin vua Gia-Long ở Phú-xuân vừa cho đem vua tôi binh tướng Tây-Son ra pháp-trường xử tội một cách vô cùng dã-man, tàn-nhẫn. Kẻ bị xẻo thịt, người bị bêu đầu, vua Thái-Đức Nguyễn Nhạc và vua Thái-Tổ Nguyễn Huệ thì bị quật mã, vứt xác, còn đầu cho đem giam ở ngục tối. Tướng Trần Quang-Điệu bị lột da, vợ là nữ tướng Bùi thị Xuân và con thì bị cho voi xé xác!

Nguyễn Du quá sùng-sốt, kinh-hãi và hoàn-toàn thất-vọng về vua Gia-Long, trước sự tàn-bạo, thiếu hẳn đức tính độ-lượng cần có của một đấng quân-vương. Thế nên, mấy ngày sau đó ông nhận được chiếu thăng chức Tri-Phủ Thường-tín, Hà-đông mà lòng lạnh-tanh; ông mia-mai:

*Ngoại lộ văn chương thể
Trung tàng sát phạt kỳ.
(Bê ngoài thấy văn-hoa tốt mã
Bên trong dấu chất độc giết người)*

(Không Tước Vũ)

Từ đó Nguyễn Du sinh ra chán đời, ông sống lơ-mơ như người trong mộng, chỉ tư-tưởng tới quê-hương:

*Trần thể bách niên khai nhân mộng
Hồng sơn thiên lý ý lan tâm.
(Cõi trần trăm năm chỉ là giấc mộng mở mắt
Tựa lan can lòng nhớ núi Hồng.)*

(La Phù Giang Thủy Các Độc Tọa)

Lúc nhà Lê mới mất vào tay Tây-Son, ông bơ-vơ lạc-lỡng trước cơn lốc thời-cuộc, đã có cảm-tưởng thân mình như nhánh cỏ bông đứt rễ trong cơn gió thu ào-ạt thổi:

*Đoạn bông nhất phiến tây phong cấp.
(Tự Thán)*

Nay ra làm quan với nhà Nguyễn, ông khóc thương thân tui phận, mang mặc-cảm bơ-vơ, lạc-lỡng chẳng khác gì xưa:

*Nhất lệ thiên nhai sái đoạn bông.
(Nơi chân trời, khóc thương thân như
nhánh cỏ bông bị lia gốc)*

(Ngẫu Hứng II)

Một khi đã mắc vào vòng quan-trường rồi, tấm thân cứ bị câu-thúc mãi. Nguyễn Du đã phải sống trong một môi-trường quá phức-tạp khó-khăn, đám quan-lại hầu hết là dân võ-biên, nay lại được nắm những chức-vị quan-trọng, họ tự tôn mặc-cảm, hồng-hách, tranh-giành quyền-lực, ganh-ghét hãm-hại nhau, người trên bắt nạt kẻ dưới ... Và Nguyễn Du đã phải gò mình sống theo những luật-lệ phép-tắc khe-khắt nơi đây (trái hẳn với bản-tính trong-sáng, cao-nhã, thanh-tịnh của mình).

*Tây phong xuy ngã chính thể thể
Thương tàn vật tính bị phù hinh
Khắc lạc thiên chân thất mã đề.*

(Ngẫu Hứng I)

Ý ông muốn nói, giờ đây ông bị kẹt cứng vào thâm-trạng bị gò-bó đến khôn-khô, khác nào phải hứng chịu trận gió thu lạnh ngăn-ngắt thổi hất vào người / Ông thương mình như con le, chân ngắn bị nối dài ra/ hay con ngựa trong thiên Mã-đề của Trang-tử, vốn tính thích ăn uống, chạy nhảy tự-do, nay bị Bá Nhạc đem về, nuôi luyện bằng cách đốt lông, xén bờm, gọt móng; làm mất tính tự-nhiên thiên-bẩm của chúng.

Vậy mà vẫn không yên. Gia-phả từng ghi:“ Nguyễn Du làm quan thường bị các quan trên khiên-trách”. Hỡi sao ông không“ bức chí.”?

Mùa đông năm quý hợi (1804), Nguyễn Du được lệnh sung vào phái đoàn ngoại-giao lên trấn Nam-quan nghênh-tiếp sứ-thần nhà Thanh, sang phong sắc cho vua Gia-Long. Tâm-sự khách anh-hùng đã hoàn-toàn nguội-lạnh, không còn nghĩ tới chuyện rong-ruổi nữa:

Anh hùng tâm sự hoang tri sinh.

Nay trên đường quan-trường chỉ còn lợi với danh, cái lợi-danh mà Nguyễn Du đã xem là hão-huyền trong bài Mộ Xuân Mạn Hứng (Phù lợi vinh danh chung nhất tán), thế

mà nay nó chưa buông-tha ông, vẫn đầy-đọa ông trong từng nụ cười, từng cái nhăn mặt cũng phải giả-dối, không được tự-nhiên:

Danh lợi doanh trường lụy tiếu tần.

(Xuân Tiêu Lữ Thứ)

Nhân dịp qua Lạng-son, nhìn thấy tượng đá Vọng Phu, lòng ông không khỏi cảm-khái trước tấm lòng trinh-tiết của nàng:

Nhất trinh lưu đắc cố kim thân.

(Tấm thân giữ trọn được tiết-trinh mãi-mãi)

(Vọng Phu Thạch)

Nguyễn Du nghĩ ngay đến chuyện rũ áo từ quan:

Mộng trung từng cúc ức qui dư.

(Trong mộng thấy từng cúc lại nhớ đến chuyện muốn về)

(Lạng Sơn Đạo Trung)

Vừa xong công-tác tiếp sứ-thần nhà Thanh trở lại nhiệm-sứ, Nguyễn Du liền dâng sớ cáo quan về quê. (Nguyễn Hành, cháu gọi ông là chú, đã có thơ đề tặng "Hi thúc phụ Thường tín Tri Phủ giải quan quy")

Nhưng nào có được lâu, chỉ mấy tháng sau Nguyễn Du đã lại có chiếu gọi vào kinh-đô Phú-xuân làm việc, ông được thăng chức Đông-các Đại-Học-Sĩ, và được phong tước Du-Đức Hầu... Ông còn tiếp-tục là nạn-nhân trước những ty-hiêm, chèn-ép của bọn quan-lại Nam-hà, khiến phải ngậm-ngùi thương thân:

Thù phương độc thác hữu quan thân

Sự lai đồ lệ giai kiêu ngã.

(Thân làm quan gửi chốn xa-lạ

Khi có việc, bọn Nha-lại đều kiêu-căng, lên mặt với ta.)

(Ngẫu Đắc, Nam Trung Tạp Ngâm)

Và tủi phận mình nay đã như con vật bị nhốt trong lồng, trong cũi/ Còn tìm đâu được cảnh sống vui chơi tự-do xưa:

Thử thân dĩ tác phân lung vật

Hà xứ trùng tâm hãm mạn du.

(Tân Thu Ngẫu Hứng, NTTN)

Làm ta liên-tường tới mấy câu thơ trong ĐTTT:

Bó thân về với triều-đình

Hàng thân lo-láo phận mình ra đâu?

Áo xiêm buộc trói lấy nhau

cc.2465-267)

Ba câu thơ này đã diễn-tả đúng tâm-trạng mặc-cảm " hàng thân lo-láo" cùng cảnh-ngộ bị tù-túng, bức-chí của Nguyễn Du trong thời-gian làm quan tại triều-đình Phú-xuân.

Đại-Nam Chính-Biên Liệt-Truyện đã vô-tình giúp ta biết thêm, Khi làm quan, Nguyễn Du thường buồn-rầu, ít nói. Vua Gia-Long có lần đã quở-trách " Nhà nước dùng người, cứ kẻ hiền-tài thì dùng, chứ không phân-biệt Nam, Bắc.Người với ngô-vị đã được ơn tri- ngộ, làm quan đến bực Á-khanh, biết việc gì thì phải nói để hết chức-trách của mình, há cứ rụt-rè, sợ-hãi, chỉ vàng vâng, dạ dạ cho qua chuyện." Thực ra Nguyễn Du nào có sợ-hãi gì, chỉ vì vua tôi nhà Nguyễn đã làm ông quá thất-vọng, nên đâu có được chức cao, tước lớn, ông vẫn không vui và luôn-luôn giữ thái-độ xa-cách đối với nhà vua. Chẳng những thế, lòng ông còn bị day-dứt, hối-hận vì đã chịu mang tiếng đem thân ra thờ chủ mới mà không thực-hiện được chí-nguyện binh-sinh, là phụng-sự đặc-lực cho dân cho nước như ông từng hoài-vọng trước khi cất bước ra đi.

Nguyễn Du cảm thấy hổ-thẹn với chính mình nên chỉ muốn chết. Ông than-thở:

Sống hoài nơi đất khách, tóc bạc trắng, già rồi mà chẳng chết cho:

Tha hương bạch phát lão bất tử.

Ông xin những đóa cúc vàng năm ngoái, nay lại nở nơi quê nhà / hãy vì ông, tạ-từ cùng cây tùng, tảng đá chốn núi Hồng/ (Bởi ông đã phụ lời thề sẽ ở ẩn trung-kiên cùng họ) Ông chẳng còn mặt mũi nào nhìn lại các bạn đồng-minh ấy nữa:

Tạc tuế hoàng hoa kim cánh sinh.

Vị ngã Hồng sơn tạ tùng, thạch
Tái vô diện mục kiến đồng minh.
(Tập Ngâm, NTTN)

Cuộc đời làm quan của Nguyễn Du còn phải kéo dài mãi, tới khi nhắm mắt xuôi tay mới thực sự được chấm-dứt, như sách sử đã ghi chép: Năm 1820, vua Gia-Long băng; Minh-Mệnh nguyên-niên, Nguyễn Du đã về hưu, còn bị triệu ra làm Chánh-Sứ sang Trung-quốc báo tang và cầu phong; nhưng chưa kịp đi thì bệnh nặng, ông không chịu uống thuốc, chỉ nằm chờ chết.

Sống bất-đắc-chí, sống túi-nhục, sầu-thảm nên Nguyễn Du vẫn cho đó là cuộc sống thừa. Bởi thế, khi sắp mất, ông bảo người nhà sờ chân tay, họ thưa lạnh cả rồi; ông chỉ nói mấy tiếng: “Được, được” rồi tắt thở. Nguyễn Du mất ngày 16-09-1820 (tức ngày 10-08 năm Canh-Thìn), thọ 56 tuổi.

Tóm lại, qua thơ văn chữ Hán và chữ nôm của Nguyễn Du cho thấy:

- Nguyễn Du là người sống có lý-tưởng phụng quốc, tinh-tinh đa-cảm, dễ xúc-động, đôn-hậu, thủy-chung; bản-chất trong-sạch, cao-khiết.

Lúc mới ra làm quan với nhà Nguyễn, Nguyễn Du đã nuôi hy-vọng, nếu biết giữ mình trong nếp sống thanh-cao; và cố đem hết tài-sức tâm-huyết ra làm việc, đạt được nhiều thành-quả tốt-đẹp, mang lại lợi-ích cho dân, cho nước thì cũng có thể biện-minh được tấm lòng phụng quốc lý-tưởng trong-sáng của mình, và giải-thích được phần nào lý-do vì đâu ông không vẹn được tấm lòng thủy-chung với nước cũ, triều xưa.

Cho tới khi vào việc Nguyễn Du mới rõ, tuy được vua Gia-Long tri-ngộ, cho thăng chức nhanh, cho lãnh chức lớn nhưng vẫn bị bọn quan trên chèn-ép, và không có thực quyền thì hỏi làm gì được? Huống chi **trước sau gì, Nguyễn Du cũng chỉ là một văn-nhân thuần-túy, sống nhiều về tình-cảm**

hơn lý-trí, về tư-tưởng hơn hành-động,“ Mà đã là một văn-nhân thuần-túy”, nói như học-giả Phạm Quỳnh, “thì không nên tham-dự vào chính-trị ”, tức chôn quan-trường. Đây là “nơi của những con người thực-tế, lanh-lợi, khéo-léo, biết lợi-dụng thời-cơ hoặc mánh-khoé, thủ-đoạn...”, tất không thể thích-hợp với con người tình-cảm, có lý-tưởng cao-thượng như Nguyễn Du.

Nguyễn Du như đoá hoa lan tinh-khiết,“ Hoa lan phải mọc trong u-cốc, không thể sống lẫn-lộn giữa chợ đời.” (Trích: Văn-Học, Chính-Trị trong Kiến-Văn Cầm-Tướng, Hoa-Đường Tùy-Bút, di-cáo của Phạm Quỳnh).

- Và Nguyễn Du thường dễ lòng xót-thương đến những người phụ-nữ tài-hoa bạc-mệnh, đặc-biệt hơn hết với nàng Vương Thúy-Kiều trong thi-phẩm lục bát trường-thiên chữ nôm Đoạn-Trường Tân-Thanh và với nàng Tiểu-Thanh, trong bài thơ thất ngôn Đường luật chữ Hán Tiểu-Thanh Ký. Ngẫm lại đời mình cũng quá nhiều nỗi bất-bình, sống trong cảnh bê-dầu thời Lê mặt - Nguyễn sơ mà tài-hoa vô-dụng, phần chí đến nỗi mới ba mươi tuổi tóc đã bạc trắng. Sau ra làm quan với nhà Nguyễn lại quá thất-vọng và mang nỗi u-uất vì đã không thực-hiện được trọn- vẹn ý-nguyên" Tỏ-Như" đối với triều xưa, nước cũ như lòng hằng mong-mỏi. Bởi thế, ông thường coi mình là kẻ đồng hội đồng thuyền với họ, và còn tự buộc mình vào chung cái án oan-khiên của tất cả các khách tài-hoa phong-nhã xưa nay:

Cố kim hận sự thiên nan vấn

Phong vận kỳ oan ngã tự cư.

(Xưa nay oan-khổ, trời khôn hỏi

Chung án phong-lưu, ta tự mang.)

Nguyễn Du ôm tất cả nỗi oan-khổ của khách tài-hoa bạc-mệnh để mà thương mà khóc, bất kể thời-gian, không-gian nào ; bởi

thế, tiếng lòng của người thơ càng thêm thống-thiết.

Thế-giới ngày nay còn đầy-dẫy những sự tàn-bạo, bất-công, oán-thù, chia-rẽ... ; biết bao con người chẳng phải tài-hoa cũng đang là những nạn-nhân thê-thiết. Tiếng kêu thương của Nguyễn Du vì thế có giá-trị xã-hội sâu-sắc và mang đầy nhân-bản-tính.

Sau hết, còn hai điểm quan-trọng cần được nêu ra.

1/ Đối với hậu-thế, Thi-hào Tố-Như mong có kẻ tri-âm :

*Bát tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như.
(Thiên-hạ, ba trăm năm lẻ nữa
Biết ai còn khóc Tố-Như chăng?)*

Thì anh-linh Thi-hào Tố-Như hẳn đã được nhiều an-ủi, vì có biết bao kẻ hậu-sinh cảm-mộ thi-ca của Người, hiểu và thương khóc Người.

2/ Đối với bản-thân, Tố-Như mang danh học rộng, thông-minh, tài-hoa hơn đời và có tinh-thần phụng quốc rất cao; khôn thay, sống giữa cơn bão loạn của thời-đại Lê mạt-Nguyễn sơ, nước mất, nhà tan, thân phải nếm trải nhiều nỗi đắng-cay, tủi-nhục ; mà tài-hoa chẳng làm nên trò-trông gì để có thể giúp dân, giúp nước, giúp nhà. Bởi thế, nhà thơ của chúng ta đã mang trong lòng một nỗi u-buồn, bi-phẫn kéo dài cho tới ngày già-biệt cõi đời.

Thi-hào Tố-Như đâu có ngờ rằng, từ những đau-thương, tủi-nhục, bi-phẫn... ấy, thiên-tài văn-chương của Người mới có cơ-hội thi-thố, tài-hoa mới có dịp phát-triển, thơ mới trở hoa. Những tiếng khóc đau-thương, tuyệt-vọng nhất lại là những lời thơ tuyệt-diệu nhất, đúng như Alfred de Musset, một danh-sĩ Pháp-quốc thế-kỷ 19 đã nhận-xét :

«Les plus désespérés sont les chants les plus beaux »

(Nuit De Mai)

Nhờ vậy, Thi-hào Tố-Như đã để lại cho dân-tộc Việt-Nam yêu-đầu của Người cả một sự-nghiệp văn-chương trác-tuyệt, vô-giá. Đặc-biệt là Đoạn-Trường Tân-Thanh, một đại-thi-phẩm bất-hủ, mà ảnh-hưởng của nó đã vượt ra ngoài biên-giới đất nước, trở thành một phần di-sản văn-hoá của nhân-loại.

GS Phạm thị Nhung

Cựu GS Trường Nữ Trung-học Gia-Long và
Régina-Mundi Saigon
(Paris, tháng 5 - 2011)

Tài-liệu tham-khảo :

- Chi-Điện Hoàng Duy-Từ, Nguyễn Du Thơ Chữ Hán, Nhà XB Mr L.Hoàng, California, USA, 1986

- Đặng Cao-Ruyên, Bể Dâu Trong Dòng Họ Nguyễn Du, Tổ-Hợp XB Miền Đông Hoa-Kỳ, 2002

- Lê Hữu Mục - Phạm thị Nhung- Đặng Quốc Cơ, Truyện Kiều và Tuổi Trẻ, Làng Văn XB lần 2, Toronto Ontario Canada, 2001

- Nhất-Uyên Phạm Trọng-Chánh, Hồ Xuân-Hương Nàng Là Ai?

Nhà XB Khuê-văn, Paris, 2001

- Phạm Quỳnh, Kiến-Văn Cầm-Tướng -- Hoa- Đường Tuy-Bút di-cảo chép tay của học-giả PQ, thực-hiện trong thời-gian ông về ở ẩn tại Phú-cam, ngoại thành Huế, 1945.

- Thảo Nguyên , Đọc và Dịch Thơ Chữ Hán Nguyễn Du

Nhà XB Hội Nhà Văn, Hà Nội, 2007

- Trần Trọng-Kim, Việt-Nam Sử-Lược, Bộ Giáo-Dục, Trung-tâm Học-liệu XB, Saigon, 1971.

- Vũ Bằng-Đình, Dịch Thơ Chữ Hán Nguyễn Du, Nhà XB Giáo Dục.

RẮN TRONG ĐỜI SỐNG và KHOA HỌC

Nguyễn Quý Đại

Rắn và con người

Từ thời tiền sử loài rắn sinh ra gắn liền với đời sống con người. Theo sách Khải Huyền trong Kinh Thánh thì Adam và Eve là người Nam, Nữ đầu tiên thủy tổ loài người do Chúa trời tạo ra ở Vườn Địa Đàng và dạy rằng: *"Hết mọi cây trong vườn chúng con có quyền ăn, trừ cây biết lành biết dữ ở giữa vườn, nếu ăn vào chúng con sẽ chết."* là cây Đời Sống (Tree of Life). Con rắn "quỷ quyết hơn mọi con thú trên cánh đồng." gian ngoan cảm dỗ Eva rằng: *"Ăn trái đỏ không chết đâu, trái lại mắt bà sẽ mở ra và trở nên giống như Chúa."* Eva không cưỡng lại được sự cảm dỗ hái rồi đưa cho Adam cùng ăn. Lập tức mắt họ mở ra và thấy mình trần truồng, và họ bị trục xuất khỏi Vườn Địa Đàng xuống thế gian. Thiên Chúa xót xa khi nhìn con cái mình đi vào con đường tội lỗi và đau khổ, *"Thiên Chúa làm cho Adam và Eve những chiếc áo bằng da và mặc cho họ"*(St 3,21), và tìm mọi cách ngăn chặn tội ác để giúp con người khỏi khổ đau, câu chuyện Adam và Eve là nền tảng của học thuyết Thiên chúa giáo: *"Tội lỗi đến với thế giới qua con người và chết qua tội lỗi, và vì thế cái chết xảy đến với tất cả loài người bởi con người là tội*



lỗi.. " Chúa cũng trừng phạt con rắn "phải đi bằng bụng, và phải ăn bụi trong suốt những ngày của cuộc đời rắn". Bởi vậy rắn được coi là tượng trưng cho tội ác và hiểm độc, thù dai, rắn cũng là biểu hiệu cho Satan. Hình tượng con rắn trong dân gian thường tượng trưng cho hạng người xấu, tiểu nhân, giả dối cần phải tránh xa như: „hang hùm nọc rắn“, hay hạng người như „Sư hổ mang“, „khẩu Phật tâm xà“ là lời như của Phật nhưng tâm là của quỷ, hay „đánh rắn phải đập đầu“ vì để sống nó sẽ trả thù .

Theo truyền thuyết rắn là sinh vật được nhiều quốc gia trên thế giới sùng kính coi rắn như là thần linh dưới nhiều hình thức khác nhau, là một hình tượng tín ngưỡng vô cùng phức tạp. Nhiều huyền thoại hấp dẫn như rắn sống lâu năm sẽ biến thành nàng tiên đẹp kiều diễm... rắn cho ngọc quý. Một số bộ tộc Phi châu, Úc châu, Á châu..... còn tục thờ cúng rắn họ cho rằng rắn có khả năng thay da, sống trường sinh bất lão. Cô tích Việt nam cũng nhắc đến sự trường sinh của rắn qua câu chuyện "rắn già rắn lột da sống đời". (các nhà Sinh vật học nghiên cứu rắn có thể sống tới 50 năm), ở Việt Nam ngày nay nhiều nơi còn mê tín dị đoan thờ lạy rắn. Người Ai Cập thời xa xưa cho rằng rắn là thần hộ mạng tượng trưng cho sự khôn ngoan, thiêng liêng cho nguồn năng lượng và sự sáng tạo, sự tái sinh, bất tử, vĩnh cửu cho các vị vua chúa. Còn lại dấu tích hàng nghìn năm về trước,

trên các vương miện của các vua Ai Cập đều có chạm hình rắn bằng vàng hay bằng ngọc còn lưu giữ trong các viện bảo tàng (cảm chụp hình). Trong chuyến du lịch Ai Cập cuối năm 2012 tôi chụp hình trên bức tường cao của đền thờ ở kim tự tháp bậc thang Djoser xây dựng từ năm 2650 trước công nguyên, còn những con Cobra, cũng như đền thờ thần Horus ở Edfu trên công có hình hai con rắn.

Chùa ở Campuchia có hình là một con rắn chín đầu gọi là thần rắn Naga. Nhìn chung theo các tài liệu thì rắn làm ảnh hưởng đời sống văn hóa của nhân loại bằng nhiều hình thức và sự biểu hiện khác nhau. Nó mang những ý nghĩa biểu tượng nhất định cho văn hóa, tín ngưỡng, tập tục, lối sống theo bản sắc của một dân tộc.

Đời sống rắn trong thiên nhiên

Theo tác phẩm Tiere und Lebensräume hiện nay trên thế giới có hơn 2600 loại rắn. Trải qua quá trình thay đổi của thiên nhiên, một số loài rắn có những đặc tính riêng biệt của mình, rắn có chiều dài ngắn, lớn nhỏ khác nhau nhưng có đặc điểm chung là có thể cuộn tròn. Số đốt xương sống và xương sườn của loài rắn có khoảng 160 tới hơn 400 đốt. Rắn là một loài động vật máu lạnh, bò sát, cùng lớp với thằn lằn, tắc kè nhưng rắn không có chân mà di chuyển bằng cách trườn bò. Loài rắn thuộc chi Caenophidia, số vây bụng và hàng vây lưng



khác, nhờ cách uốn mình trong không khí, rắn có những loại có nọc độc, và không có nọc độc.

Những con rắn độc sử dụng nước bọt, nọc độc tiết qua những chiếc răng, nọc độc từ miệng rắn có thể làm tê liệt và giết chết con mồi. Nọc độc là độc tố tác hại qua đường máu đến thần kinh. Có đến 450 loài rắn độc trên thế giới, trong đó có 250 loài có nọc độc giết người. Toàn thân rắn được bao bọc lớp da có vảy cứng không tăng trưởng tương ứng theo sự trưởng thành của thân thể rắn, bởi vậy mỗi năm rắn phải lột da để lớn theo chu kỳ và loại bỏ ký sinh trùng. Phần nhỏ ở cuối đuôi rắn không thể thay đổi nên khi rắn lớn lên làm thắt chặt, thì rắn tự cắt đứt đường máu đưa tới



khúc đuôi và từ từ nó sẽ rụng đi. Da rắn có vảy như cái chân đế trườn bò khi di chuyển, thân dài và nhỏ của nó uốn thành hình chữ S. Khi bò các vảy trườn theo lồi ra và rắn dùng đầu nhọn của các chiếc vảy để trèo lên những đám cỏ hoặc mô đất gồ ghề.

Thông thường rắn ăn thịt những loài chuột, ếch, nhái, chim... nhưng rắn lục chỉ ăn sâu bọ, loài rắn hổ Kobra thường ăn đồng

loại. Xương hàm dưới của rắn rất linh động, hai hàm của nó không gắn liền cố định mà được nối thẳng vào sọ, cho phép chúng mở rộng miệng để nuốt trọn con mồi dù cho con mồi có lớn hơn nhiều so với đường kính thân rắn, nhờ có hệ xương hàm nhiều khớp và dây chằng đàn hồi nên rắn có thể há miệng rất to. Rắn nuốt sống con mồi nén xương sống lại giống như chiếc đàn xếp để con mồi trôi xuống. Mi mắt rắn trong suốt và thường xuyên đóng kín, được gọi là vảy mắt.

Loài rắn không có vành ngoài tai, cho nên thính giác của chúng tương đối kém. Vì mắt của chúng sinh ra ở hai bên đầu, nên nhìn cũng bị hạn chế, thính giác và thị giác có khuyết điểm thì khứu giác của chúng trở thành cơ quan cảm giác quan trọng nhất. Khứu giác của loài rắn do khu cảm giác ở phần dưới miệng và khoang mũi hợp thành. Khi bò rắn dùng cái lưỡi có chẻ nhánh của mình thò ra thụt vào để kiểm mồi. Ngoài ra có một số loài rắn còn phát triển một số cơ quan cảm giác đặc biệt, chẳng hạn như có nhiều loài rắn có những lỗ nhỏ nằm giữa mắt và lỗ mũi, những lỗ nhỏ ấy rất nhạy cảm. Đó là cơ quan cảm nhiệt của rắn. Trong những lỗ nhỏ ấy có một lớp màng mỏng nối liền với thân kinh ở bộ óc rất nhạy với nhiệt độ phát ra từ các loài động vật có máu nóng. Dù rắn mù mắt hay chúng đang ở trong bóng tối nó cũng có thể phát hiện ra những con mồi ở cách xa khoảng nửa mét. Những cơ quan cảm giác nhạy cảm này đối với loài rắn là điều kiện quan trọng để sinh tồn. Ngoài tác dụng dùng để săn mồi và tránh kẻ thù, là phương tiện con rắn tìm con cái giao phối. Rắn không thể điều chỉnh sinh lý như các loài động vật máu nóng như loài có vú và chim, dù nhiệt độ bên ngoài thay đổi rắn vẫn giữ nhiệt độ trong cơ thể. Những vùng khí hậu lạnh như Châu Âu loài rắn phải ngủ trong hang suốt mùa đông như con gấu, khí hậu miền nhiệt đới

thích hợp cho các loài rắn sinh sống, ở Việt Nam có đầy đủ các loại: rắn lục đầu đen, rắn lục đầu đỏ, rắn lục, rắn cạp nia, rắn cạp nong, rắn đon cân, rắn độc, rắn gió, rắn giun, rắn khô mộc, rắn lai, rắn lục, hoa cải, rắn lục núi, rắn lục sừng, rắn lửa, rắn mai gầm, rắn nước, rắn sọc đốm đỏ, rắn sọc khoanh, rắn vú nàng, rắn xe điều rắn đen bụng vàng, rắn đen com, rắn đen đuôi gai, rắn đen khoanh, rắn đen mỏ, rắn đen mõm, rắn đen vết, rắn đen sọc dưa, rắn hổ lửa, rắn hổ mang, rắn hổ mang chúa, rắn hổ trâu. Ngoài ra người ta còn thấy rắn ở trong rừng rậm vùng cao nguyên trên đầu có mào, có sừng. (hình các loài rắn trong ghê sợ tôi không lấy vào bài).

Rắn có đủ các màu sắc, sinh sống ở hầu hết các môi trường trong thiên nhiên. Từ trên núi cao đến sông sâu biển rộng, từ sa mạc nóng cháy đến rừng rậm, trên cây hay dưới đất, dù không có chân nhưng bò rất nhanh mà không gây ra tiếng động. Rắn có thể di chuyển nhiều tư thế bò ngang, thẳng, nửa dưới đất nửa thẳng đứng... Phần lớn rắn đẻ trứng và rời bỏ trứng của chúng sau khi đẻ; tuy nhiên một số loài giữ trứng trong cơ thể đến khi trứng nở. Gần đây khoa học xác định được một số loài rắn đẻ con là một điều khác thường trong giới bò sát. Mỗi năm rắn hổ mang chỉ giao hợp một lần với thời gian từ 20-34 giờ, từ tháng 4 hay tháng 5 và đẻ trứng tháng 6 và tháng 7 mỗi con đẻ 6-7 trứng, riêng rắn chúa đẻ 20-30 trứng, thời gian nở con từ 50-57 ngày, rắn mới nở có thể cắn chết người.

Các loài rắn lớn trong họ Boidae là rắn gò có: rắn cộc, rắn đất, rắn gấm, rắn gió v.v. loài rắn săn các động vật máu nóng bằng cách cắn, ngậm con mồi và dùng thân mình quấn con mồi cho đến chết rồi nuốt vào từ từ. Răng rắn cong vào trong nhưng nhờ cấu tạo của xương hàm mở rộng nên có thể nuốt được những con mồi lớn. Rắn có hai

UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

Đêm khuya mưa gió mịt mờ
Nhào ra sợ ướt, ngồi chờ...Chờ ai?
Nhớ em quá đỗi, uống hoài
Rượu trong cứ đổ, mưa ngoài cứ xiêu.

Say sưa mơ ngộ Thúy-Kiều
Lụa là tha thướt, khăn điều gió đưa.
Anh làm Từ-Hải bao giờ!
Mãi ôm hũ rượu nên chưa ngỏ lời.

Tu vào một hùm đã đời
Gọi là mừng gặp lại người bấy lâu
"Sắt cầm chạ ấy nữa đâu!"
Kiều nương nhõng nhẽo một câu, rồi về.

Mơ sao ngán ngủi buồn ghê!
Chưa vui tâm sự. Bồn bề vắng tanh
Gió mưa mù mịt, còn anh
Nhớ ai ? Quên mất! Thôi đành rót thêm.

Một người, một hũ, một đêm!
May ra tới cỡ say mềm lại mơ!
Hôm sau tỉnh rượu thần thờ
Tìm em thú tội hững hờ đêm qua.

NGUYỄN-PHÚ-LONG

(Virginia)

phân họ lớn: Boinae và Erycinae. Các loài trăn lớn (mãng xà) thuộc họ Pythonidae. Ban ngày ngủ ban đêm đi kiếm ăn, thích nơi ẩm áp để ngủ qua mùa đông. Các mùa khác trăn kiếm ăn và sinh sản. Trăn là loài ưa môi trường nước, do đó di chuyển dưới nước rất nhanh, chậm chạp trên cạn. Là loài bò sát khổng lồ, nên thức ăn là những con thú to lớn như heo rừng, nai, hươu, báo, bò, trâu rừng loại nhỏ chúng cũng quán chết và nuốt chửng, loài trăn mắt lười Đông Nam Á, được coi là họ trăn lớn nhất thế giới bò sát, chiều dài 15m, thân to (đường kính) tới 85cm và nặng 447kg. Hiện nay ở Việt Nam trên Thất sơn, rừng U Minh người ta còn phát hiện nhiều loài trăn lớn, thường bị thợ rừng săn bắt. Theo luật của tạo hóa có sinh có diệt, nên rắn cũng bị loại chôn cũng như những con rắn lớn ăn thịt, rắn con mới sinh thì bị con chim bìm bịp ăn (phim tài liệu trên Tivi).

Truyện thuyết rắn báo oán

Một hôm cha Nguyễn Trãi là Nguyễn Phi Khanh cho học trò phát cỏ trong vườn để làm

chỗ dạy học. Đến đêm, ông nằm mơ thấy một người đàn bà dẫn bầy con đại tới xin thư thả ít hôm, vì bầy con mọn nên chưa kịp dọn nhà. Đến khi học trò của ông phát cỏ, đập chết một bầy rắn con, lúc đó ông mới hiểu ra ý nghĩa giấc mơ... Đêm đó lúc ông đọc sách thì có con rắn bò trên xà nhà nhỏ một giọt máu thấm vào chữ "tộc-họ" qua ba lớp giấy, ứng với việc gia tộc ông sẽ bị hại đến ba họ. Ngày sau con rắn mẹ hóa ra bà Nguyễn Thị Lộ để làm hại ba đời nhà ông. Đền đời Nguyễn, trong Lịch triều hiến chương loại chí lại có thêm chi tiết: Con rắn thành tinh ngầm mang thù oán, mới đầu thai thành Thị Lộ.

Rắn trong thi ca.

Mỗi lần xuân về chúng ta nhớ lại chiến thắng mùa xuân Kỷ Dậu 1789 vua Quang Trung đánh bại quân Thanh, bởi vì vua Lê Chiêu Thống vị vua thứ 16 và cuối cùng của nhà Lê Trung Hưng, (trị vì 1786-1789). Lê Chiêu Thống sang cầu viện nhà Thanh đem quân sang giúp với hy vọng trở lại ngai vàng. Nghe tin báo, ngày 25 tháng 11 năm Mậu

Thân (22. 12. 1788). Bắc Bình vương Nguyễn Huệ xuất quân tiến ra Bắc Hà. Vì lý do vua Lê đã bỏ nước và rước giặc về, để có danh nghĩa chính thống, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu Quang Trung. Chỉ 6 ngày kể từ đêm 30 Tết âm lịch, quân Tây Sơn thần tốc đánh bại quân Thanh ở trận Ngọc Hồi Đổng Đa. Mùng 5 Tết quân Tây Sơn tiến vào Thăng Long. Tôn Sĩ Nghị dẫn tàn quân bỏ chạy cùng Lê Chiêu Thống sang Tàu. Việc rước quân Thanh vào Đại Việt¹ của Lê Chiêu Thống bị lịch sử kết tội bán nước là „*công rắn cắn gà nhà*“. CSVN ngày nay cúi đầu dâng biển đảo cho Trung cộng, người dân yêu nước biểu tình chống Tàu chiếm biển đảo của Việt Nam thì bị đảng CS ra lệnh đàn áp, đánh đập kết án tù vô lương tâm. Nên bị người Việt trong và ngoài nước nguyên rủa là „*hèn với giặc ác với dân*“ hay cùng hành động „*công rắn cắn gà nhà*“ cô thi sĩ Nguyễn Chí Thiện viết về con rắn Cộng sản.

*Con rắn đỏ vô cùng hung hiểm
Nó sinh ra lớn lên nhờ súc siêm
Nhà nọc hận thù, phờ phảnh công phu
Khéo léo đầu cơ lòng ái quốc đui mù
Lạy lục Tàu Nga không hề điểm nhục
Đủ hơi sức nó hiện hình phân phúc
Cắn cổ lê dân, quăng quật mộ phần
Phá đạo, phá đời uống khô sông núi.*

Thi hào Nguyễn Du diễn tả tâm trạng của nàng Kiều trong cuộc đời lưu lạc, phải đối đầu với bao cảnh đời ngang trái phủ phàng, nguy hiểm như loài hổ, rắn:

*Thân ta, ta phải lo âu
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này
Vĩ chẳng chấp cánh cao bay
Rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa
Phận bèo bao quản nước sa*

Lệnh dên đầu nũa cũng là lệnh dên.

Rắn với ngành Y khoa

Hippocrate (470-366 B.C.) là người sáng lập ra nền Y khoa hiện đại được xem là thầy thuốc vĩ đại nhất. Ông cũng soạn thảo "*Lời thề Đạo đức Y khoa*" hay gọi là "*Lời thề Hippocrates*". Lời thề thiêng liêng này được các bác sĩ trang trọng đọc trước khi bắt đầu hành nghề Y. Hippocrates được xem là vị tổ của ngành Y



học Tây phương. Ngoài ra còn có biểu tượng của ngành Y khi thì thấy hai con rắn hay một con rắn quấn quanh cây gậy, hay cái chén có con rắn. Theo thần thoại Hy Lạp về Hermes và Asklepios² có nhiều giải thích khác nhau về rắn, tôi sưu tầm và tóm lược những điểm chính.

a/ *Chiếc gậy của Hermes*: theo truyền thuyết Apollo trao đổi với Hermes, người anh em khác cha, một chiếc đĩa bằng vàng. Hermes



sử dụng nó để tách riêng hai con rắn, nhưng những con rắn cuộn lại theo chiều ngược...biểu tượng của thần Hermes tượng trưng bởi cây gậy có nhánh nguyệt quế hoặc cành ô liu. Sau đó, các nhánh được quấn quanh cây gậy để tạo ra hình hai con rắn quấn lại với nhau, nó có hai cánh, tượng trưng cho vận tốc của

Hermes sứ giả của các vị thiên thần (những con rắn đại diện cho lửa và nước, đất và cảnh trời), đó là biểu tượng của hòa bình do các thiên sứ mang lại. Một giải thích khác nhấn mạnh đến sự cặp đôi của các con rắn và biểu tượng của khả năng sinh sản. Con rắn quấn quanh cây gậy, tượng trưng cho cây sự sống, có ý nghĩa là sự kiêu ngạo bị chinh phục và

khuất phục, nọc độc của nó biến thành thuốc điều trị.

Theo một số tài liệu khác thì phù hiệu „cây gậy và con rắn“ được xuất hiện lần đầu tiên trên thế giới vào khoảng thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên, là hình cây gậy có hai con rắn bện quanh, trên đầu gậy có một đôi cánh. Theo thuyết này thì kể rằng Hermes là con trai của thần Jupiter và nữ thần Maia, dùng cây gậy thần của mình để ném vào giữa hai con rắn đang cắn nhau "một mất một còn" sau đó chúng thôi cắn và cùng quấn quanh cây gậy thần đó.



b/ *Thần thoại về Asklepios*: ông ta nhìn thấy một con rắn tiến về phía mình, ông hướng cây gậy của mình về phía nó. Con rắn tự cuộn lại, Asklepios đập cây gậy xuống đất giết chết nó. Con rắn thứ hai đột nhiên xuất hiện ngậm loại dược thảo bỏ vào miệng con rắn đã chết và con rắn này được cứu sống, nhờ vậy ông phát hiện đặc tính của các loại thảo dược đó. Con rắn còn là một biểu tượng của cuộc sống và sinh lực bởi vì nó có đặc tính thay đổi da, có thể lấy lại thời thanh xuân. Con rắn bò sát đất, có nghĩa là nó biết tất cả những bí mật và các đặc tính y dược của các loại thảo mộc, hoặc những bí ẩn sự chết. Asklepios chỉ dấu cho bệnh nhân những liệu pháp sử dụng các loại thảo mộc để trị lành bệnh, giúp vô số người thoát những cơn bệnh hiểm nghèo. Đê tô lòng biết ơn người đã cứu nhân độ thế thời đế chế La mã các đền thờ được lập nên để vinh danh Asklepios và từ đó cây gậy Asklepios được gắn liền với ngành y.

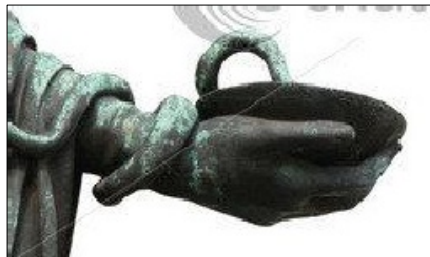
Việc tôn thờ Asklepios sau đó lan rộng ra khắp nước Hy Lạp, đến Châu Á, và Ai Cập, đến cả thần dân trung thành với Alexandre Đại đế. Asklepios là người ngoại quốc đầu tiên được thừa nhận ở La mã. Di tích Asklepios được tìm thấy liên quan đến ngành

Y trong cuốn giáo khoa Y khoa của thầy thuốc nổi tiếng người Ả rập Avicenna vào năm 1544, có in hình Asklepios ở trang bìa. Rồi từ đó phù hiệu của Asklepios được sử dụng là biểu tượng của ngành Y ở nhiều nơi, từ Châu Âu (Hiệp hội Y khoa Hoàng gia Anh) sau đó phổ biến đến các quốc gia trên thế giới. Ở Ai Cập cổ đại các mẫu

rắn được dùng trong các kiểu viết chữ tượng hình. Trung quốc và cả Việt Nam xem rắn là một loại thuốc trị được nhiều chứng bệnh. Nhật cũng tìm thấy vết tích rắn vẽ trong các ngôi mộ cổ v.v.. Cây gậy là biểu tượng của bác sĩ khắp nơi trên thế giới cứu nhân độ thế. Nói chung sự liên quan giữa rắn với ngành Y là gần gũi hơn cả, tinh thần Asklepios trong thực hành Y khoa có thể đáp lại lòng mong mỏi của bệnh nhân, cây gậy tượng trưng cho cây sự sống, tinh thần trọng trong ngành Y Dược là sự cống hiến cho nhân loại.

Cái chén của Hygeia

Hygeia nữ thần Sức khỏe (God of Health) cầm cái chén với con rắn cuốn quanh tay, trong vị thế giống như rắn sắp sửa thả lưỡi vào chén. Chữ "hygiene" bắt nguồn từ chữ Hygeia, dần dần biểu tượng chỉ có cái chén và con rắn trở nên quen thuộc và được mang tên là "Chén Hygeia". Nhiều người coi cái chén của



Hygeia và con rắn như biểu tượng sự sống tiêu biểu là chén thuốc nước và con rắn tượng trưng khả năng làm lành bệnh. Chén Hygeia làm biểu tượng cho những nhà chế thuốc ở Italy từ năm 1222. Năm 1922 người Ý dùng nó trong dịp lễ mừng kỷ niệm 700 năm thành lập Đại học Padua, là trường đại học hàng đầu của Ý nổi bật lâu đời ở Châu Âu. Năm 1796 chén Hygeia chính thức sử dụng làm biểu tượng cho ngành Dược. Tại Đức từ năm 1951 Fritz Ruppercht Mathieu phát hoạ phù hiệu cho nhà thuốc Tây chữ A nghĩa là „Apotheke là nhà thuốc“ màu đỏ có hình cái chén và con rắn.



Rắn trong ngành Y học Tây phương

Nọc rắn khác biệt rõ rệt từ loài này sang loài kia, nhưng chúng đều có một điểm chung là mỗi loại đều là những hợp chất phức tạp, được tạo thành từ hàng nghìn protein và enzyme khác nhau. Phần lớn các loài rắn độc được chia làm 3 họ: Colubridae, Elapidae hoặc Viperidae, nọc độc phóng ra từ tuyến nước bọt chia làm 3 nhóm chính: cytotoxins, neurotoxins và hemotoxins. Rắn cắn chết người mỗi năm, nhưng nọc độc chết người của nó tiềm tàng khả năng cứu chữa cho các bệnh của con người (dược liệu trị huyết áp phổ biến, dùng để chữa các khối máu nghẽn, nghiên cứu đến những chứng bệnh như động kinh có nhiều hoạt động điện não, chữa trị các cơn đau hoặc giúp người bị nghiện cai thuốc, bệnh Alzheimer, chữa thấp khớp, đau nhức, làm giảm đau cho bệnh ung thư...) nọc độc



của loài rắn chứa một loại protein làm giảm đau mạnh tương đương như morphine. Rắn Mamba đen là một trong những loài rắn nguy hiểm nhất trên thế giới, sống ở Phi châu thuộc phía Nam sa mạc Sahara dài 2,5 m đến 4,5 m, bò nhanh 24 km/h. Mỗi lần cắn phun ra 400 mg nọc độc. Chỉ cần 15-20 mg đủ làm con người chết trong một thời gian rất ngắn.

Các nhà nghiên cứu Pháp trình bày trên tạp chí Anh, "Natur/Thiên nhiên" thí nghiệm thành công nọc độc rắn Mamba đen (Schwazen Manba/ Dendroaspis polylepis polylepis) làm giảm đau như Morphine không bị phản ứng, "Khi tiến hành thí nghiệm trên loài chuột, nọc độc cho thấy khả năng giảm đau mạnh tương đương với morphine nhưng lại không gây ra nhiều tác dụng phụ". Cách lấy nọc rắn dùng ngón tay cái và ngón trỏ bóp nhẹ vào mang tai rắn kích thích tuyến nọc độc nằm dưới da của mỗi bên mang tai, nọc rắn theo rãnh của răng chảy ra đựng cụ lấy nọc,

nọc là chất lỏng không màu trong suốt, qua tiến trình làm khô giữ được tác dụng như nọc rắn tươi là nguồn cung cấp thuốc quan trọng để bào chế thuốc... lấy nọc rắn vào mùa hè, mỗi tháng một lần một con lấy được trung bình 0,25 ml, nhưng còn tùy thuộc vào những loại rắn lớn thì nhiều hơn.

Rắn trong ngành Đông Y

Việt Nam có các trại nuôi rắn được phát triển, nổi tiếng như trại rắn Vĩnh Sơn (Phú Thọ), trại rắn Đồng tâm (Tiền Giang). Một số loài rắn thường dùng làm thuốc: Rắn hổ mang là

chứa tế của loài rắn. Rắn hổ mang còn có tên gọi là hổ lửa, hổ phi, tên khoa học là Naja Naja, thuộc họ rắn hổ (Elapidae). Rắn cạp nong (rắn mai gầm) (Bungarus fasciatus Schneider) Rắn cạp nia (rắn mai gầm bạc) (Bungarus candidus L. Rắn ráo (Ptyas mucosus), họ Rắn nước (Colubridae). Các loài rắn biển (đen đai xanh, đen đốm, đen khoang,...) thuộc chi Hydrophis, họ Rắn biển (Hydrophiidae).

Thịt rắn (bò nội tạng): chứa protein, acid amin. Thường dùng dưới dạng rượu thuốc gồm 1 bộ 3 con gọi là tam xà (1 hổ mang, 1 cạp nong, 1 rắn ráo), hoặc bộ 5 con gọi là ngũ xà (1 hổ mang, 1 cạp nong, 1 cạp nia, 2 rắn ráo). hay làm thành thuốc viên chữa đau nhức khớp xương, tê bại, nhọt độc.

Nọc rắn: rất độc do có các enzym và protein độc. Thường dùng dưới dạng thuốc tiêm, thuốc mỡ chữa tê thấp, giảm đau cho bệnh nhân ung thư, hạn chế phát triển khối u.

Mật rắn: chứa các loại acid mật, chữa thấp khớp, đau lưng, sốt kinh giảm ở trẻ em, ho, hen suyễn, sát khuẩn vết thương. Dùng dưới dạng rượu thuốc hay sirô.

Xác rắn: chữa động kinh, co giật ở trẻ em, đau cổ họng, ghê lở. Dùng 6-12g một ngày, dạng thuốc sắc hay sao vàng tán bột uống, ngâm cồn bôi ngoài.

Rượu rắn có công dụng trị các chứng tê liệt, đau nhức, phong thấp, bồi bổ sức khỏe, ăn uống chậm tiêu. Rượu rắn Phụng Hiệp là thổ sản địa phương, Họ làm theo ba cách như ngâm rắn tươi, rắn khô và bột rắn, phải là rắn sống mổ bụng từ ức tới hậu môn, bỏ hết chỉ giữ lại mỡ và mật vì đây là hai vị thuốc.. Nhiều nơi không ngâm rượu nguyên con rắn thì nấu cao rắn... theo „tập đoàn Tuệ Linh“ quảng cáo.

Tại Việt Nam người ta đồn và quảng cáo: sừng tê giác, ngà voi, tay và mật gấu, rượu rắn, hổ cốt ...đều là “*thần dược*” chữa được bá

bệnh, cường dương bổ thận “*ông uống bà khen*”. Phải cẩn thận đừng vội tin, quảng cáo làm tiền không trách nhiệm. “*khỏe đâu không thấy, chỉ thấy rước họa mà thôi*” tốn kém tiền bạc. Bởi vì các nhà khoa học Tây phương chưa chứng minh được kết quả các loại „*thần dược*„ của người Việt Nam. Theo Tây y bệnh nhân chữa trị theo phương pháp khoa học, Bác sĩ định bệnh cho uống thuốc chữa hết bệnh, còn theo ngành Đông y dùng thuốc Bắc chỉ có tác dụng điều trị hỗ trợ. Có trường hợp từng xảy ra, người ở Đức về Việt Nam mua rượu rắn uống phải già từ cuộc chơi. Bác sĩ khám nghiệm tử thi cho biết là ngộ độc. Người Tây phương họ không ăn uống như ở Việt Nam, nhưng người nào cũng khỏe mạnh tuổi thọ thường trên 80. Nếu bị đau nhức cơ thể, tứ chi nên tập thể dục, đi Fitness sẽ khỏe, không có rượu nào chữa trị hết bệnh.

Sau năm 1975 thì đời sống tại quê nhà có thể ảnh hưởng Tàu nên về vấn đề ăn uống „*hồn tạp*“ hơn, phần lớn quan trọng ăn uống chỉ để cường dương bổ thận... Sài Gòn có nhiều quán nhậu, đặc sản thịt rắn, uống máu, nuốt mật sống của rắn. Các loài rắn bị săn bắt để ăn thịt hay ngâm rượu, có nhiều loại sấp bị tuyệt chủng, không còn rắn để bắt chuột, gây thêm nạn chuột sinh sản nhiều phá hoại ngũ cốc ... Ấn Độ từ năm 1972 có luật cấm bắt rắn, dù những người bắt rắn huấn luyện múa theo điệu sáo để mua vui, nếu người nào vi phạm bị phạt tù.

Năm 2013 là năm Quý Tỵ ngày 10.2.2013 cấm tinh con rắn hy vọng đời sống của rắn phải được bảo vệ vì loài rắn phục vụ cho khoa học, điều chế thuốc từ nọc rắn để chữa bệnh, giúp con người có thể kéo dài tuổi thọ.

Nguyễn Quý Đại

www.hoamunich.wordpress.com

Tài liệu tham khảo

Tiere und Lebensräume (Bertelsmann Lexikon Institut)

National Geographic Deutschland

Trang Wikipedia, hình nguồn trên Internet và của tác giả

Tuần báo Stern số 42/2012

¹ Đại Việt () là quốc hiệu của nước Việt Nam tồn tại từ năm 1054 đến năm 1804. Vua Gia Long đổi tên nước thành Việt Nam, quốc hiệu Đại Việt chấm dứt hoàn toàn.

² **Caducées et Serpent d'Asklépios**

Le caducée est un emblème ancien dans la mythologie grecque. Il en existe deux types: le caducée d'Hermès et le caducée d'Asclépios.

Le caducée d'Hermès

La légende rapporte qu'Apollon échangea avec Hermès son demi-frère une baguette en or contre une lyre. Hermès l'utilise un jour pour séparer deux serpents, mais ces serpents s'y enroulent en sens inverse. La symbolique s'installa par la suite, et l'emblème du Dieu grec Hermès (Mercure pour les romains) accompagna toujours Hermès.

A l'origine il est représenté par un bâton de laurier ou d'olivier avec ses branches. Ensuite les branches sont enroulées autour du bâton pour figurer les deux serpents entrelacés, il est surmonté de deux ailes, symbolisant la vitesse d'Hermès le messager des dieux. Cet emblème devint la marque des hérauts, des messagers (au sens large).

Symbolique

Primitivement, le caducée, réalisant le difficile équilibre de tendances antagonistes autour de l'axe du monde (les serpents représentant le feu et l'eau, la baguette la terre et les ailes le ciel), fut donc un symbole de paix porté par le Messager des Dieux. Une

autre interprétation insiste sur l'accouplement des serpents et la symbolique de la fécondité. Les alchimistes n'ont pas manqué de donner eux aussi leur explication du caducée, sceptre d'Hermès, dieu de l'Alchimie : les deux serpents représenteraient les principes antagonistes (soufre/mercure, fixe/volatile, humide/sec, chaud/froid...) qui doivent s'unifier dans l'or unitaire de la tige. Quittant la pensée hermétique pour les domaines moral et médical, le caducée peut représenter la lutte maîtrisée entre les instincts et la maîtrise de soi ou les maladies et la santé, avec une issue forcément spirituelle (les ailes). Le serpent s'enroule autour du bâton qui symbolise l'arbre de vie, pour signifier la vanité domptée et soumise, son venin se transforme en remède, la force vitale pervertie retrouve la voie droite qui permet la seule véritable guérison, celle de l'âme. En raison des attributs du Dieu Hermès : Il est le dieu du commerce, des professions qui s'occupent de la communication comme les imprimeurs, le gardien des routes et des carrefours, des voyageurs, des bergers, et dieu de la ruse, du vol et des voleurs, puis dieu accompagnateur des âmes des morts aux Enfers. Il est évident que le caducée d'Hermès ne doit pas et ne peut pas être utilisé comme emblème médical.

Cependant vers le XVI^e siècle, une confusion est apparue avec le bâton d'Esculape (qui est aussi un caducée), et peu à peu, ce caducée a quitté le domaine militaire auquel il avait été d'abord cantonné comme symbole de la paix, et il est devenu l'emblème de la profession médicale dans de nombreux pays.

Le caducée d'Asclépios

La légende rapporte qu'un jour, Asclépios, voyant un serpent se diriger vers lui, il tendit

son bâton dans sa direction. L'animal s'y enroula. Asclépios frappa le sol et tua la bête. Un second serpent apparut soudain, tenant dans sa bouche, une herbe mystérieuse avec laquelle il rappela à la vie l'autre reptile. Asclépios eut alors la révélation de la vertu médicinale des herbes. L'emblème d'Asclépios est un bâton court le long duquel s'enroule un serpent. À l'origine, dans la mythologie grecque, il est l'attribut du dieu Apollon qui l'offre à son fils Asclépios, dieu de la médecine.

Le bâton

Le bâton est le symbole du voyageur universel, de l'activité du médecin qui promène à travers le monde sa science secourable.

Le serpent

Le serpent est symbole de vie et de vigueur parce qu'il possède la propriété de changer de peau, retrouvant ainsi l'apparence de la jeunesse. Le serpent, en s'insinuant dans les fissures de la Terre, était sensé en connaître tous les secrets et ainsi que les vertus des plantes médicinales, voire les mystères entourant la mort ! (allusion aux oracles par lesquels Asclépios indiquait aux malades les remèdes à appliquer).

Du caducée de cette première légende est venue s'ajouter le miroir, symbole de la prudence et de la sagesse.

Le caducée d'Asklépios est devenu l'emblème universel des professions médicales et se prête à de nombreuses et complexes interprétations. :

Lorsque le serpent d'Asklépios s'enroule autour du bâton (ou baguette) d'Asklépios il forme l'emblème asclépiade qui symbolise le

dieu de la Médecine ou tout simplement la Médecine ;

Lorsque le serpent d'Asklépios s'enroule autour d'un bâton surmonté d'un miroir, il forme la caducée des médecins de France et l'Ordre des Médecins de France ;

Lorsque le serpent d'Asklépios s'enroule autour de la coupe d'Hygie, la déesse de la Santé, il forme l'emblème des Pharmaciens; Lorsque le serpent d'Asklépios est associé à une forme géométrique ovoïde symbolisant l'utérus de la femme enceinte remplaçant le bâton d'Asklépios, il forme le caducée des Sages-femmes

Lorsque le serpent d'Asklépios est associé au microscope et au miroir, il forme l'emblème de certains laboratoires d'analyses médicales. Lorsque le serpent d'Asklépios est associé au diapason, il forme l'emblème des audioprothésistes

Il faut noter cependant qu'en 1910, le Conseil de l'Ordre des Etats-Unis a choisi, plus logiquement, le bâton d'Esculape.

Le caducée est l'insigne et l'emblème officiel de l'Ordre des Médecins de France depuis son rétablissement en 1945. Il est composé du serpent d'Asklépios s'enroulant autour d'un bâton (ou baguette) symbolisant l'arbre de la vie, ce bâton est surmonté d'un miroir symbolisant la prudence que le médecin doit avoir avant chaque décision médicale. La coupe symbolise (probablement) la coupe d'Hygie, fille d'Asklépios et Déesse de la Santé.